

của VAB.

3. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG IX

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Hội đồng Quản trị và cơ cấu Hội đồng Quản trị⁵²

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị của VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng Quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (Năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Hội đồng Quản trị có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể là thành viên độc lập. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán⁵³.
8. Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
9. Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng Quản trị quy định.

⁵² Điều 50 và Điều 69 Luật các TCTD năm 2024

⁵³ Khoản 5 Điều 26 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

10. Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Nhiệm vụ Ủy ban Nhân sự bao gồm các công việc liên quan đến chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và nhiệm vụ khác khác theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự. Tổ chức hoạt động của các Ủy ban trên được quy định cụ thể trong các Quy chế của VAB.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁵⁴

1. Thông qua phương án huy động vốn.
2. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
3. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Đại hội đồng cổ đông; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.

Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng Quản trị.
7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.

Hội đồng Quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

⁵⁴ Điều 70 Luật các TCTD năm 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:
 - a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 11 Điều lệ này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
10. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:
 - a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - b) Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ này. Hội đồng Quản trị có thể giao/phân cấp/phân quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
11. Thông qua họp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.
12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.
14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
15. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.
16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên,
17. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
18. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
19. Quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán.

20. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.
21. Quyết định mua lại Cổ phần của VAB.
22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
23. Trên cơ sở được Đại hội đồng Cổ đông giao/ủy quyền, Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) để thực hiện kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.⁵⁵
24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
25. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
27. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
28. Trừ các hợp đồng phái do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).
29. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.
30. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.
31. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác⁵⁶.
32. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc⁵⁷.
33. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB⁵⁸.

⁵⁵ Điều 59 Luật các TCTD năm 2024.

⁵⁶ Điều 12.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁷ Điều 26.1.b Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁵⁸ Điều 61.2 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

34. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban Kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).⁵⁹
35. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được Đại hội đồng Cổ đông VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý khác.
36. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
37. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
38. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
39. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 52. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁶⁰

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông
6. Bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
7. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
8. Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
9. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị được ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên

⁵⁹ Điều 15.3 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

⁶⁰ Điều 71 Luật TCTD 2024, Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2020

khác trong Hội đồng Quản trị để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

11. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký ban hành các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị.
12. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 53. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị⁵¹

1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
3. Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
4. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
5. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
6. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.
7. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
8. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này.

⁵¹ Điều 72 Luật các TCTD năm 2024

9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình.
10. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho ngân hàng; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 4, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 14, 15, 21 và 36 Điều 51 của Điều lệ và các nội dung theo quy định pháp luật từng thời kỳ.
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật (nếu có).

Điều 54. Thủ lao và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị⁶²

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶³

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật; có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - d) Có trình độ từ đại học trở lên;

⁶² Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020;

⁶³ Điều 155 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

- e) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Điều 55.1 phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập như sau⁶⁴:
- a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc công ty con của VAB trong 03 (Ba) năm liền kể trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB;
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB;
 - e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kể trước đó.

Điều 56. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁵

1. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
- a) Chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và các quy định pháp luật liên quan về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - e) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép;
2. Thành viên Hội đồng Quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp⁶⁶:
- a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị của VAB;
 - c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 (Sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

⁶⁴ Điều 41.2 Luật các TCTD năm 2024;

⁶⁵ Điều 45 và Điều 46 Luật các TCTD năm 2024;

⁶⁶ Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020;

- d) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 55 Điều lệ này.
 - e) Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không đáp ứng quy định tại Điều 55, Điều 43, Điều 49 của Điều lệ này;
 - f) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị xin từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một thành viên Hội đồng Quản trị mới lên thay theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ này thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng⁶⁷.

Điều 57. Người phụ trách quản trị VAB⁶⁸

1. Hội đồng Quản trị chỉ định 01 (Một) hoặc nhiều người làm Người phụ trách quản trị VAB với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VAB khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm.
2. Người phụ trách quản trị VAB phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị VAB không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VAB. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị VAB bao gồm:
 - a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

⁶⁷ Điều 60 Luật các TCTD năm 2024

⁶⁸ Điều 32 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC

- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Người phụ trách quản trị VAB có thể kiêm nhiệm Thư ký VAB tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị VAB.

Điều 58. Hợp Hội đồng Quản trị⁶⁹

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (Một) lần. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bằng hình thức họp mặt và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;
 - b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (Năm) Người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (Hai) thành viên của Hội đồng Quản trị.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều 58.3. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng Quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.
5. Hội đồng Quản trị có quyền ban hành quy định nội bộ về các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp cần họp khẩn cấp.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp, trừ trường hợp họp khẩn cấp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

⁶⁹ Điều 153 và Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại VAB. Trường hợp khẩn cấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (Một) ngày làm việc trước ngày họp; các tài liệu liên quan có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.

7. Trong trường hợp cuộc họp Hội đồng Quản trị có mời các thành viên Ban Kiểm soát và/ hoặc Tổng giám đốc và/hoặc các thành phần khác, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên này như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, các thành phần khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (Ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên dự họp.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.
11. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, lấy ý kiến thông qua phần mềm luân chuyển hồ sơ trình ký nội bộ và/hoặc các phần mềm/ ứng dụng khác theo quy định của VAB từng thời kỳ và đảm bảo theo đúng quy định pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
13. Trường hợp có thành viên Hội đồng Quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

14. Hội đồng Quản trị được quyền tổ chức các cuộc họp dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành với điều kiện các hình thức này phải được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 59. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁷⁰

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ tên, chữ ký chủ tọa, chữ ký các thành viên tham gia và người ghi biên bản.
2. Người ký biên bản phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Trưởng họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
4. Biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.
5. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của VAB.

⁷⁰ Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 60. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên Hội đồng Quản trị trước khi thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản.
2. Cán bộ được Văn phòng Hội đồng Quản trị phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về VAB;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền;
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị có ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng Quản trị và gửi về VAB theo quy định của VAB.
5. Thư ký Hội đồng Quản trị / hoặc nhân sự thuộc Văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng Quản trị). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của VAB;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng Quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

- e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
6. Thư ký Hội đồng Quản trị / hoặc nhân sự thuộc văn phòng Hội đồng Quản trị được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng Hội đồng Quản trị là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu giữ các tài liệu này.
 9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG X

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 61. Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc⁷¹

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho VAB thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho VAB. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Tổng Giám đốc phù hợp với Bộ luật lao động, quy định của NHNN và các quy định của pháp luật.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 (Năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Lương, trợ cấp, các khoản bồi thường (nếu có) và các quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông của VAB và ghi tại Báo cáo tài chính của VAB.
4. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc.

⁷¹ Điều 162 và Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 55 Luật các TCTD năm 2024;

5. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của VAB theo sự phân công của Tổng Giám đốc.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quyền, nghĩa vụ của Tổng Giám đốc⁷²

1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của VAB.
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VAB.
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VAB.
5. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
6. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
7. Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
8. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
9. Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của VAB.
10. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
11. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của VAB trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
12. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này.
13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của VAB, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
14. Ký kết hợp đồng nhân danh VAB theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
15. Tuyển dụng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền.
16. Trình Hội đồng Quản trị quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

⁷² Điều 56 Luật các TCTD năm 2024; Điều 162 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

17. Trường hợp được Hội đồng Quản trị ủy quyền, Tổng giám đốc được quyết định về các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật.
18. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 63. Tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc⁷³

Hội đồng Quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc căn cứ vào kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của Tổng Giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan, phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 64. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc⁷⁴

1. Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b) Không thuộc đối tượng không được là Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - c) Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 năm là người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
 - d) Có sức khỏe, hiểu biết luật pháp; Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - e) Cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
 - f) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB.
2. Phó Tổng Giám đốc VAB phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 64.1.a, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e;

⁷³ Điều 163 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁷⁴ Điều 41 Luật các TCTD năm 2010.

- b) Không thuộc đối tượng không được là Phó Tổng Giám đốc theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 49 Điều lệ này và quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng;
- c) Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.

Điều 65. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc⁷⁵

1. Tổng Giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b Điều lệ này;
 - b) Chết;
 - c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d) Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - e) Khi hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực;
 - f) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt;
 - g) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 64.1.b, Điều 64.1.c, Điều 64.1.d và Điều 64.1.e Điều lệ này.
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của VAB;
 - d) Theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị; Hội đồng Quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
3. Trong thời hạn 01 (Một) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, Hội đồng Quản trị phải có Quyết định cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động VAB để đảm bảo VAB hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo NHNN (qua Cơ quan Thanh tra, giám

⁷⁵ Điều 45 và Điều 46 Luật các TCTD năm 2010.

sát và NHNN chi nhánh). Người được cử điều hành VAB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

Điều 66. Ban Kiểm soát và cơ cấu Ban Kiểm soát⁷⁶

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (Năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, tổ chức tin dụng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 67. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁷⁷

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành VAB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của VAB.
2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

⁷⁶ Điều 51 Luật các TCTD năm 2024,

⁷⁷ Điều 52 Luật các TCTD năm 2024; Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

4. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành VAB, có quyền sử dụng các nguồn lực của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (Sáu) tháng đầu năm và hàng năm của VAB, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
6. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
7. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành VAB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có)
8. Lập danh sách Cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc của VAB, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
9. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.
10. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao theo quy định tại Điều lệ này.
11. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của VAB.
12. Định kỳ hàng năm, Ban Kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
13. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của VAB, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.

14. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của VAB; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của VAB khi xét thấy cần thiết.
15. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của VAB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
16. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các tổ chức tín dụng về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
17. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7, 10, 16 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
18. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 68. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁷⁸

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát quy định tại Điều 67 Điều lệ này và chịu trách nhiệm về thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Triệu tập và chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
8. Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

⁷⁸ Điều 53 Luật các TCTD năm 2024;

Điều 69. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát⁷⁹

1. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình
2. Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 73 của Luật các tổ chức tín dụng.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của VAB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành VAB.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 70. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát⁸⁰

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với Cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do VAB phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của VAB lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của VAB trong giờ làm việc.

⁷⁹ Điều 54 Luật các TCTD năm 2024.

⁸⁰ Điều 171 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 71. Tiền lương và các quyền lợi khác của thành viên Ban Kiểm soát⁸¹

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập ở mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB.

Điều 72. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát⁸²

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; Có đạo đức nghề nghiệp đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 49 Điều lệ này, các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (Ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
3. Không phải người có liên quan của người quản lý VAB;
4. Trưởng ban kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 73. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát⁸³

1. Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a) Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 72.2 Điều lệ này;
 - b) Chết;

⁸¹ Điều 172 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

⁸² Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 41 Luật các TCTD năm 2024.

⁸³ Điều 45, 546 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 174 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức chấm dứt;
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 72 Điều lệ này;
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nếu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
- a) Theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - d) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - e) Hoặc thuộc một trong các trường hợp tại Điều 73.2 Điều lệ này
4. Trong thời hạn tối đa 15 (Mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên làm Trưởng Ban Kiểm soát. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét, quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát thay thế.
5. Hội đồng Quản trị của VAB phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này.
6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 74. Cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban Kiểm soát và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Ban Kiểm soát.
2. Cuộc họp:
 - a) Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (Một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Tổng Giám đốc;
 - Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Giám đốc Chi nhánh NHNN.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
 - b) Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị liên tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi VAB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đủ điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban Kiểm soát và gửi thông báo tới NHNN theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
 - c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 05 (Năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 (Một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (Hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (Mười lăm) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần đầu không thể tổ chức do không đủ số thành viên tham dự. Sau 02 (Hai) lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không có đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (Ba mươi) ngày tiếp theo kể từ ngày cuộc họp lần hai để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

e) Biểu quyết:

- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được ít nhất trên $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên được Ban Kiểm soát ủy quyền làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).

3. Lấy ý kiến bằng văn bản:

- a) Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường nếu:
- Được sự nhất trí bằng văn bản của ít nhất trên $\frac{1}{2}$ (Một phần hai) số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp ban kiểm soát.
- b) Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát

cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 75. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Điều 81 và Điều 77.4 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
2. Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thỏa thuận dự kiến giao kết với VAB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không. Nếu sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

CHƯƠNG XII

NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC⁸⁴

Điều 76. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban, Hội đồng của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của VAB và với mức độ căn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 77. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của VAB phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của VAB.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy

⁸⁴ Chương X Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác của VAB và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa VAB với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng Quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 78. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. VAB bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do VAB là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được VAB ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của VAB với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của VAB với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của VAB, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. VAB có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 79. Công khai lợi ích khác⁸⁵

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tín dụng các thông tin sau đây:
 - a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
 Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liền trước.
4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm

⁸⁵ Điều 164. Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 49 Luật các TCTD năm 2024.

việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.

5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
7. Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, thành viên Hội đồng Quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong các trường hợp sau⁸⁶:
 - a) Các giao dịch giữa VAB với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - b) Các giao dịch giữa VAB, công ty con, công ty khác do VAB nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và theo quy định tại 77.3 Điều lệ này.

Điều 80. Quyền và nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB⁸⁷

1. Quyền của người quản lý, người điều hành VAB:
 - a) Được hưởng thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;
 - b) Được tham gia quản lý, điều hành hoạt động của VAB trong phạm vi quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của VAB và quy định của pháp luật có liên quan;
 - c) Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định của VAB và quy định của pháp luật.
2. Nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành VAB
 - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ VAB, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của VAB, Cổ đông của VAB;
 - c) Trung thành với lợi ích của VAB và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của VAB để thu lợi cá nhân hoặc

⁸⁶ Khoản 2 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

⁸⁷ Điều 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 48 Luật các TCTD năm 2024.

để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại đến lợi ích của VAB và Cổ đông VAB;

- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho VAB về quyền lợi của mình có được ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của VAB và chỉ tham gia khi giao dịch đó được Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận;
- e) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của VAB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của VAB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN;
- f) Không được cạnh tranh bất hợp pháp với VAB hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của VAB;
- g) Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của VAB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn, so với quy định chung của pháp luật và của VAB;
- h) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi VAB bị lỗ;
- i) Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng;
- j) Các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.
- k) Cung cấp và cập nhật các thông tin sau cho VAB khi có sự thay đổi:
 - Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 81. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận⁸⁸

1. Hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận (trừ các giao dịch cho vay theo quy định tại Điều 126 và Điều 127 Luật các Tổ chức tín dụng):
 - a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông của VAB và những người có liên quan của họ;

⁸⁸ Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 67 và 70 Luật các TCTD năm 2024.

- b) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp quy định tại Điều 79.1.a và Điều 79.1.b Điều lệ này và Người có liên quan của Người quản lý VAB;
 - d) Công ty con, công ty liên kết của VAB.
2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị trên 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện của VAB ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng tại cuộc Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện trên 51% (Năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp được quyền biểu quyết/lấy ý kiến bằng văn bản còn lại đồng ý.
3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nêu tại Điều 81.1 có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện VAB để ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- Hợp đồng nêu tại Điều 81.1 được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều 81.2 và Điều 81.3, thì hợp đồng đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Các đối tượng có liên quan nêu tại Điều 81.1 và các cá nhân phía VAB tham gia quyết định, ký kết, thực hiện các hợp đồng này phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho VAB các khoản lợi ích thu được từ việc thực hiện các hợp đồng đó.
4. VAB phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XIII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ⁸⁹

Điều 82. Quyền tiếp cận thông tin, kiểm tra sổ sách và hồ sơ

- 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách, hồ sơ cụ thể như sau:

⁸⁹ Điều 49 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

- a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của VAB.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của VAB, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của VAB vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. VAB sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký doanh nghiệp được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
 4. Điều lệ này được công bố trên website của VAB.

CHƯƠNG XIV

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 83. Người lao động và công đoàn⁹⁰

Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của VAB với tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của VAB và quy định pháp luật hiện hành.

⁹⁰ Điều 50 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG XV PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 84. Trả cổ tức⁹¹

1. Cổ tức trả cho Cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của VAB. VAB chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi VAB đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ VAB và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, VAB vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của VAB.
4. VAB không trả lãi suất hoặc một khoản tiền khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của Cổ đông tại VAB.
5. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu VAB và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, VAB sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng cổ phần hoặc bằng tài sản khác theo quy định tại Điều lệ VAB, đảm bảo theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.
7. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi VAB đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu VAB đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì VAB không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
8. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
9. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của VAB. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá

⁹¹ Điều 135 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

sở này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan. Cổ tức trả cho Cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần ưu đãi.

10. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (Ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 (Mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên VAB; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, Số Chứng minh nhân dân/Số căn cước công dân/Số Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của VAB.
11. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ VAB.
12. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 85. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 86. Trích lập các quỹ⁹²

1. Lợi nhuận của VAB sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:
 - a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
 - b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - c) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của VAB. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của VAB.
 - d) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.
 - e) Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp cho việc trích vào các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ chia cổ tức.... do Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

⁹² Điều 21 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP;

2. Các vấn đề liên quan đến việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB.

CHƯƠNG XVI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 87. Tài khoản ngân hàng

1. VAB mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, VAB có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. VAB tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà VAB mở tài khoản.

Điều 88. Chế độ tài chính

VAB thực hiện báo cáo tài chính theo các quy định của pháp luật liên quan tới tài chính, thuế, phí và các quy định liên quan khác của pháp luật, đồng thời thực hiện báo cáo tài chính theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt nam đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại).

Điều 89. Năm tài chính

Năm tài chính: tính từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Điều 90. Hệ thống kế toán

Thực hiện chế độ kế toán: VAB tổ chức thực hiện chế độ kế toán theo luật kế toán và hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của NHNN Việt nam đối với các tổ chức tín dụng (ngân hàng thương mại)

CHƯƠNG XVII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 91. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý⁹³

1. VAB phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều lệ này. VAB công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

⁹³ Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 92. Báo cáo thường niên

VAB phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 93. Báo cáo⁹⁴

1. VAB phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN và Ủy ban Chứng Khoán. Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của VAB chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.
2. Ngoài các báo cáo quy định tại Điều 93.1, VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với NHNN trong các trường hợp sau:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của VAB;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của Cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của VAB.
 - c) Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng hoạt động kinh doanh dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
3. Công ty con, Công ty liên kết của VAB có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho NHNN khi được yêu cầu.
4. Trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải gửi NHNN các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.
5. VAB có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo các quy định về công bố thông tin của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và của Ủy ban chứng khoán hướng dẫn công ty đại chúng công bố thông tin.

Điều 94. Công khai báo cáo tài chính

1. Trong thời hạn 120 (Một trăm hai mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, VAB phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật⁹⁵.
2. Trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, VAB phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng⁹⁶.

⁹⁴ Điều 152 Luật các TCTD năm 2024.

⁹⁵ Điều 154 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁶ Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC

Điều 95. Thông tin⁹⁷

1. VAB phải thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản tại VAB cho chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. VAB được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động của VAB.
3. VAB có trách nhiệm báo cáo, cung cấp cho NHNN các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với VAB theo quy định của NHNN.
4. VAB có trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán, Luật chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung và các quy định khác có liên quan của pháp luật áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 96. Bảo mật thông tin⁹⁸

1. Nhân viên, Người quản lý, Người điều hành của VAB và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của VAB.
2. VAB phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại VAB.
3. VAB không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch khác của khách hàng tại VAB cho tổ chức, các nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XVIII**HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ⁹⁹****MỤC 1****KIỂM TOÁN NỘI BỘ****Điều 97. Kiểm toán độc lập¹⁰⁰**

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, VAB phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, VAB phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.

⁹⁷ Điều 12 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁸ Điều 13 Luật các TCTD năm 2024;

⁹⁹ Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

¹⁰⁰ Điều 59 Luật các TCTD năm 2024;

3. VAB phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
4. Kiểm toán viên độc lập được phép tham dự các phiên họp Đại hội đồng Cổ đông, thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ phiên họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.¹⁰¹

Điều 98. Bộ phận kiểm toán nội bộ¹⁰²

1. Kiểm toán nội bộ của VAB được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong VAB; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc VAB.

Điều 99. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh của kiểm toán nội bộ¹⁰³

Ban Kiểm soát bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.

MỤC 2

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 100. Thiết lập và duy trì hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

1. VAB phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ giúp Tổng Giám đốc điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của VAB.
2. Hệ thống kiểm soát nội bộ của là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của VAB được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của NHNN và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
3. Hệ thống kiểm soát nội bộ của VAB phải bảo đảm các yêu cầu sau đây¹⁰⁴:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;

¹⁰¹ Điều 57 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹⁰² Điều 58 Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰³ Điều 52 Luật các TCTD 2024;

¹⁰⁴ Điều 14.1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;

- b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Mọi hoạt động của VAB đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ;
 - d) Kiểm soát xung đột lợi ích; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm;
 - e) Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của cá nhân, bộ phận đối với kiểm soát nội bộ để xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát của VAB.
4. Các đơn vị kiểm soát nội bộ của VAB phải thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.

Điều 101. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách¹⁰⁵

1. Tùy theo quy mô, mức độ, phạm vi và đặc thù hoạt động của mình, VAB tự xem xét, quyết định thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, chịu sự điều hành trực tiếp của Tổng Giám đốc. Trong mọi trường hợp dù có hay không có bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách, VAB phải thiết lập, duy trì, tổ chức thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ theo các quy định của NHNN.
2. Bộ phận kiểm soát nội bộ chuyên trách có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật và các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của VAB; giúp Tổng Giám đốc thực hiện việc tự kiểm tra để tổng hợp, rà soát, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện, ngăn ngừa và kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, sai phạm trong mọi hoạt động nghiệp vụ, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của NHNN, đảm bảo VAB hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

CHƯƠNG XIX

CON DẤU

Điều 102. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định và thông qua con dấu chính thức của VAB. Con dấu của VAB sẽ được khắc, đăng ký theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc điều hành quy định về mẫu dấu, số lượng con dấu, quản lý và sử dụng con dấu của VAB theo quy định pháp luật và VAB.

CHƯƠNG XX

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, PHÁ SÀN, GIẢI THỂ THANH LÝ

¹⁰⁵ Điều 6 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN;

MỤC 1**CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT¹⁰⁶****Điều 103. Xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm**

1. VAB phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
2. Phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.
3. Định kỳ ít nhất 02 năm, VAB cập nhật, điều chỉnh phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều này. Phương án sau cập nhật, điều chỉnh phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được thông qua.

Điều 104. Các trường hợp VAB có thể bị áp dụng can thiệp sớm

1. Số lỗ lũy kế của VAB lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng.
2. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
3. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 30 ngày liên tục;
4. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời gian 06 tháng liên tục;
5. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.

Điều 105. Chấm dứt can thiệp sớm

VAB chấm dứt can thiệp sớm trong các trường hợp sau đây:

1. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt việc thực hiện văn bản yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng khi VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật các tổ chức tín dụng và có văn bản báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước;
2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận sáp nhập, hợp nhất VAB với tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 201 của Luật các tổ chức tín dụng;
3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định giải thể, phá sản VAB theo quy định của pháp luật;
4. Ngân hàng Nhà nước có quyết định đặt VAB vào kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 162 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 106. Xử lý trong về trường hợp bị rút tiền hàng loạt

1. Khi bị rút tiền hàng loạt, VAB phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước và thực hiện ngay các biện pháp sau đây:

¹⁰⁶ Chương IX, chương X Luật các TCTD năm 2024.

- a) Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của VAB; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
 - b) Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt theo phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.
2. Trường hợp VAB đang được can thiệp sớm bị rút tiền hàng loạt, VAB đó phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng.
 3. VAB được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
 - a) Bán giấy tờ có giá cho Ngân hàng Nhà nước trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
 - b) Thực hiện giao dịch ngoại tệ với Ngân hàng Nhà nước để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.

Điều 107. Các trường hợp VAB có thể được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. VAB được can thiệp sớm nhưng không có phương án khắc phục gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước;
2. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, VAB được can thiệp sớm nhưng không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;
3. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà VAB không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
4. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
5. Tỷ lệ an toàn vốn của VAB thấp hơn 04% trong thời gian 06 tháng liên tục;
6. VAB bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

Điều 108. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc khi VAB trong tình trạng kiểm soát đặc biệt

1. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt;
2. Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
3. Tiếp tục quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động và bảo đảm an toàn tài sản của ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật trừ trường hợp bị đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, điều hành, kiểm soát ngân hàng.
4. Thực hiện yêu cầu của Ban Kiểm Soát đặc biệt, NHNN theo quy định của pháp luật.

Điều 109. Khoản vay đặc biệt¹⁰⁷

1. VAB được vay đặc biệt của NHNN, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác trong các trường hợp sau đây:
 - a) Để hỗ trợ thanh khoản khi VAB có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc lâm vào tình trạng mất khả năng chi trả, đe dọa sự ổn định của hệ thống trong thời gian VAB được kiểm soát đặc biệt, bao gồm cả trường hợp VAB đang thực hiện phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt;
 - b) Để hỗ trợ phục hồi theo phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.
2. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác, kể cả các khoản nợ có tài sản bảo đảm của VAB trong trường hợp sau đây:
 - a) Khi đến hạn trả nợ, trừ trường hợp trong thời gian phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc trường hợp thay đổi phương án cơ cấu lại nhưng chưa được phê duyệt;
 - b) Khi giải thể, phá sản tổ chức tín dụng.

Điều 110. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt

Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt kiểm soát đặc biệt đối với VAB khi được kiểm soát đặc biệt thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. VAB khắc phục được tình trạng dẫn đến việc bị đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật;
2. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, VAB hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
3. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, VAB được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
4. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản đối với VAB.

MỤC 2**PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ¹⁰⁸****Điều 111. Giải thể và chấm dứt hoạt động¹⁰⁹**

1. VAB giải thể và chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

¹⁰⁷ Điều 4, Điều 15 Thông tư 08/2021/TT-NHNN

¹⁰⁸ Mục XIII Luật các TCTD năm 2024;

¹⁰⁹ Từ Điều 207 đến Điều 211 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 202 Luật các TCTD năm 2024;

- a) Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - b) Hết thời hạn hoạt động nhưng không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - d) VAB không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (Sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
 - e) VAB được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. VAB chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và được NHNN chấp thuận theo quy định pháp luật.

Điều 112. Gia hạn hoạt động¹¹⁰

1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông ít nhất 07 (Bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của VAB theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% (Sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông dự họp Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

Điều 113. Thanh lý¹¹¹

1. Tối thiểu 06 (Sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của VAB hoặc sau khi có một quyết định giải thể, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (Ba) thành viên. 02 (Hai) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông chỉ định và 01 (Một) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên VAB hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được VAB ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của VAB.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt VAB trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý VAB trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các khoản chi phí thanh lý, lương, trợ cấp cho người lao động, khoản nợ, thuế và các khoản chi phí khác với thứ tự ưu tiên theo quy định pháp luật;
 - b) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ tại mục (a) trên đây được phân chia cho các Cổ đông. Các Cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

¹¹⁰ Điều 60 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹¹¹ Điều 61 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

CHƯƠNG XXI

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 114. Giải quyết tranh chấp nội bộ¹¹²

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của VAB hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với VAB; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hay chức danh quản lý khác theo quy định của VAB.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong thời hạn 06 (Sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Toà án.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Trọng tài, Toà án sẽ do Trọng tài, Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 115. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc¹¹³

1. Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu ít nhất 01% (Một phần trăm) tổng số Cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh VAB khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

- a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý VAB theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;
- b) Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- c) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ VAB hoặc nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

¹¹² Điều 62 Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

¹¹³ Điều 166 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

- e) Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của VAB để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp Cổ đông, nhóm Cổ đông khởi kiện nhân danh VAB sẽ tính vào chi phí của VAB, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.
 3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG XXII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 116. Sửa đổi, bổ sung, ban hành Điều lệ


1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng Cổ đông xem xét quyết định. Điều lệ VAB sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng Quản trị ký ban hành Điều lệ và thực hiện các thủ tục công bố, báo cáo theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của VAB chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của VAB.

Điều 117. Điều khoản thi hành

1. Điều lệ được lập thành 06 (sáu) bản gốc, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a) 01 (Một) bản gốc nộp cho NHNN Việt Nam;
 - b) 01 (Một) bản gốc nộp cho NHNN Chi nhánh Thành phố Hà Nội;
 - c) 01 (Một) bản gốc đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội;
 - d) 01 (Một) bản gốc nộp cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - e) 02 (hai) bản gốc lưu trữ tại Trụ sở chính VAB.
2. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ VAB có giá trị khi được sao y trích lục theo quy định nội bộ về công tác văn thư của VAB và quy định pháp luật.
3. Quy định chuyển tiếp:
 - a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

- b) Hội đồng Quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị.
 - c) Ban Kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ này, khoản 2 Điều 51 Luật các tổ chức tín dụng được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, trừ trường hợp VAB bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.
 - d) Cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
4. Điều lệ này được Đại hội đồng Cổ đông phiên họp thường niên năm 2024 của Ngân hàng TMCP Việt Á thông qua ngày .../04/2024 và ban hành theo Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐQT ngày.../.../2024 của Hội đồng Quản trị. Điều lệ này có hiệu lực vào ngày 01/07/2024. Các bản Điều lệ trước đây của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á hết hiệu lực từ 01/07/2024 trừ việc thực hiện các quy định chuyển tiếp theo quy định tại Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

Chủ tịch Hội đồng Quản trị 

PHƯƠNG THÀNH LONG

Số: 88/2024/TT- HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
NG
MAI CP
VIỆT Á

Digitally signed by
NGÂN HÀNG THƯƠNG
MAI CP VIỆT Á
DN: CN=, SN=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI,
CN=NGÂN HÀNG
THƯƠNG MAI CP VIỆT
Á,
OID.2.2342.19200300,
100.1.1+MST:
020290399
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2024.05.02 09:40:
46:07:00
Fossil PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2021 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Quy chế Quản trị nội bộ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB").

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế Quản trị nội bộ VAB, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi và ban hành:

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã ban hành Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024, theo đó sẽ có nhiều điểm mới, thay đổi liên quan về khuôn khổ quản trị và hoạt động của ngân hàng.

Trên cơ sở rà soát lại Quy chế Quản trị nội bộ VAB, căn cứ các quy định pháp luật hiện hành và cần cứ yêu cầu thực tiễn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tổ chức và hoạt động ngân hàng, việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ của VAB là cần thiết để:

- Đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của công ty đại chúng (như là Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC) vì VAB cũng là 1 công ty đại chúng.
- Đảm bảo tuân thủ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
- Đảm bảo tuân thủ các nội dung theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung và ban hành mới:

Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế Quản trị nội bộ VAB: theo nội dung tại Bảng so sánh Quy chế Quản trị nội bộ VAB năm 2021 và sau khi sửa đổi - đính kèm Từ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Phê duyệt thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ VAB;
- b. Chấp thuận giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - (i) Ký ban hành Quy chế Quản trị nội bộ VAB theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua tại cuộc họp;
 - (ii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử chính thức(website) của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng quản trị được quyền ủy quyền/giao lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện. *f*

Trân trọng kính trình. *lx*

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HDQT, BKS;
- Lưu VP.HDQT.

fa
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phuong Thanh Long
Phường Thành Long

BẢNG SO SÁNH QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VAB

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
1.			Header: Địa chỉ cũ	Header: Địa chỉ hiện tại	
2.	Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản		<p>Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông. Công khai minh bạch trong hoạt động của VAB. 	<p>Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị VAB. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của VAB; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. Ngăn ngừa xung đột lợi ích. 	Sửa đổi bổ sung phù hợp với Điều 40 Luật Chứng khoán 2019
3.	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông		<ol style="list-style-type: none"> Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật 	<ol style="list-style-type: none"> Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau: 	Điều chỉnh cách trình bày cho hợp lý.

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điều - Khoản			
4.	Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và vai trò trong quản trị VAB	Khoản 4	<p>Được từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán</p> <p>Điều 6. Đại hội đồng cổ đông và vai trò trong quản trị VAB</p> <p>Chưa có quy định</p>	<p>a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.</p> <p>b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định nội bộ của VAB</p> <p>Bổ quy định</p>	<p>Phù hợp với Điều 41, Luật Chứng khoán</p> <p>Đổi tên theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
			<p>Chưa có quy định</p> <p>Chưa có quy định</p>	<p>1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ VAB tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB</p> <p>Cuộc họp ĐHĐCĐ của VAB được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VAB, cụ thể như sau:</p> <p>a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong</p>	<p>Bổ sung quy định tổng quát</p> <p>Bổ sung thêm cho chi tiết và theo Điều 41.1.c Luật Chứng khoán</p>
5.	Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông				

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
				<p>trường hợp cần thiết.</p> <p>b. Hợp ĐHĐCĐ bất thường: ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ VAB.</p> <p>c. VAB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của VAB dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VAB có các khoản ngoại trừ trọng yếu.</p> <p>d. Các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ khác và nội dung liên quan thực thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VAB</p>	
6.	Điều 8. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp		Chưa có quy định	<p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCĐ được triệu tập bởi Hội đồng quản trị hoặc theo các trường hợp quy định tại Điều lệ VAB.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB và theo quy định tại Điều lệ VAB.</p> <p>4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được</p>	Tách và đảo nội dung rõ ràng hơn theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
	Đại hội đồng cổ đông		2. Cách thức phân đổi quyết định của Đại hội đồng cổ đông	gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ VAB.	Sửa đổi theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 2 PL II TT116/2020/TT-BTC: "o) Cách thức phân đổi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông."
			4. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên Website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của VAB	Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên Website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của VAB	Sửa đổi để phù hợp với điều khoản quy định về biên bản họp Đại hội đồng cổ đông
7.	Điều 9. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ		9. Trong trường hợp cần thiết, tùy theo tình hình thực tế để đảm bảo các điều kiện thuận lợi nhất cho việc tổ chức và triển khai họp Đại hội đồng cổ đông	1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác để thông qua quyết định của	Tách và bổ sung nội dung rõ ràng hơn theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản sửa đổi,		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
	đồng thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến có đồng bằng văn bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác		thường niên, VAB có thể tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến, Có đồng phổ thông có nghĩa vụ tham dự ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Hướng dẫn cụ thể liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.	<p>DHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến có đồng bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.</p> <p>3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB. Hướng dẫn cụ thể liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này</p>	
8.	Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng Quản trị trong quản trị		Chưa có quy định	<p>1. HĐQT là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu</p>	Bổ sung nội dung rõ ràng hơn theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điều - Khoản			
9.	Điều 13. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bầu nhiệm thành		6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bầu nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị được đăng tải trên trang thông tin điện tử của VAB	05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Cơ cấu thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều lệ VAB. 3. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được ĐHDCTD. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.	Sửa đổi bổ sung chi tiết theo quy định tại điểm 1, khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
	viên Hội đồng Quản trị			quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.	
10.	Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khách của thành viên Hội đồng Quản trị		Chưa có quy định	Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khách của thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo Điều lệ VAB và quy định của pháp luật hiện hành.	Bổ sung nội dung rõ ràng hơn theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
11.	Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị		Điều 12. Cuộc họp Hội đồng Quản trị	Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị	Sửa lần rõ ràng hơn theo mẫu Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC
			Chưa có quy định	2. Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.	Sửa đổi thống nhất theo quy định tại Điều lệ VAB
12.	Điều 17.		3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng	3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng	Sửa đổi phù hợp với quy định của

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
	Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị		quản trị có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và chỉ mất hiệu lực khi bị Đại hội đồng cổ đông phủ quyết. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên Hội đồng Quản trị đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	đồng quản trị có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên Hội đồng Quản trị đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp
13.	Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban Kiểm soát trong quản trị ngân hàng		2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 03 thành viên, trong đó 01 Trưởng ban và có ít nhất (1/2) số thành viên chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VAB hoặc doanh nghiệp khác. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.	2. Ban Kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Trưởng Ban Kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban Kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng 2024 và Điều lệ VAB.
14.	Điều 21. Ứng cử, đề		6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được	6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn	Sửa đổi bổ sung chi tiết theo quy định tại điểm I, khoản 1 Điều 11

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
	cứ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát		dăng tải trên trang thông tin điện tử của VAB	nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban Kiểm soát, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật	Thông tư 96/2020/TT-BTC.
15.	Điều 24. Quyết định của Ban Kiểm soát		1. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB	1. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi thống nhất với quy định tại Điều lệ VAB
16.	Điều 25. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành/Người điều hành		1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc/Phó Giám đốc Khói và các người điều hành khác theo quy định nội bộ của VAB. 6. Giám đốc Khói/Phó Giám đốc Khói và các chức danh điều hành khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB.	1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khói Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB. 6. Giám đốc Khói/Phó Giám đốc Khói và các chức danh điều hành khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ VAB

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
				<p>phần công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.</p> <p>6. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của HĐQT, HĐQT và quy định tại Quy chế này.</p>	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ VAB
17.	Điều 23. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành		<p>7. Hội đồng Quản trị chỉ đạo xây dựng, ban hành và thực hiện các Quy định làm việc của Ban điều hành phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và quy định tại Quy chế này.</p> <p>Chưa có quy định</p>	<p>3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành theo các quy định pháp luật hiện hành.</p>	Bổ sung chi tiết theo quy định tại điểm 1, khoản 1 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC.
18.	Điều 26. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban điều		<p>3. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh hành khác đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Hội đồng Quản trị chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu</p>	<p>3. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và</p>	Sửa đổi phù hợp thực tế vận hành

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
19.	Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban điều hành	hành	<p>chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.</p> <p>1. HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông/cổ đông, trước pháp luật về kết quả hoạt động của VAB và chịu trách nhiệm về các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ của VAB gây thiệt hại cho VAB.</p> <p>3. HĐQT chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ VAB, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của VAB</p> <p>Chưa có quy định</p>	<p>quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên</p> <p>1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.</p> <p>Bổ</p> <p>3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi HĐQT các biên bản, kết luận các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Điều hành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông định kỳ hàng quý.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp thực tế vận hành</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ VAB</p> <p>Sửa đổi phù hợp thực tế hoạt động</p>
			4. Tổng giám đốc VAB hoặc người được	Dự kiến sửa đổi:	Sửa đổi phù hợp thực tế hoạt động

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
20.	Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát		Tổng giám đốc ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề nằm ngoài phạm vi thẩm quyền được giao	5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mang công việc đó.	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ VAB
21.	Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban điều hành		Chưa có quy định	<ol style="list-style-type: none"> 1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình. 2. HĐQT đảm bảo quyền của Ban Kiểm soát được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, quyền tham gia các cuộc họp được triệu tập theo quy định của HĐQT. 3. Các nội dung phối hợp cụ thể giữa Ban Kiểm soát và Ban điều hành thực hiện theo quy định nội bộ của VAB ban hành từng thời kỳ 	Bổ sung nội dung khái quát
22.	Điều 34. Giao dịch với người có		Chưa có quy định	3. VAB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất	Bổ sung theo khoản 2 Điều 292 ND 155/2020/NP-CD quy định về Giao dịch với người có liên quan:

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điều - Khoản			
	liên quan			thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của VAB.	"2. Công ty đại chúng áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty."
23.	Điều 35. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến VAB		Chưa có quy định	c. VAB tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.	Bổ sung theo khoản 2 Điều 294 ND 155/2020/NP-CD quy định về Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty: "2. Công ty đại chúng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội."
24.	Điều 42. Hiệu lực thi hành		Chưa có quy định	5. Quy định chuyển tiếp: a) Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều lệ được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm. b) Hội đồng quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.	Bổ sung phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung		Nội dung Quy chế quản trị nội bộ 2021	Nội dung Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ 2024 sau khi sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
	Chương - Điều	Điểm - Khoản			
25.	PHỤ LỤC I Điều 2	Khoản 2	Chưa có quy định	c) Ban kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát. d. NIINN: Ngân hàng Nhà nước	Bổ sung từ viết tắt
26.	Điều 4. Các trường hợp tổ chức ĐHDCCD trực tuyến và nguyên tắc bỏ phiếu		b) Trường hợp tổ chức ĐHDCCD trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử. Cụ thể: i. Đối với các Đại biểu tham dự trực tiếp tại ĐHDCCD thì bắt buộc phải biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu truyền thống. Nếu Đại biểu này bỏ phiếu điện tử thì phiếu biểu quyết điện tử sẽ không có giá trị. ii. Đối với các Đại biểu không đến tham dự trực tiếp tại ĐHDCCD thì sẽ biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử	b) Trường hợp tổ chức ĐHDCCD trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử tùy theo tình hình, nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.	Sửa đổi phù hợp với thực tế vận hành

DỰ THẢO

QUY CHẾ

QUẢN TRỊ NỘI BỘ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ngày tháng..... năm ... của Hội đồng quản trị
Ngân hàng TMCP Việt Á)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị ngân hàng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và Ngân hàng TMCP Việt Á (“VAB”), đảm bảo VAB hoạt động phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ VAB và các chuẩn mực, thông lệ trong hoạt động kinh doanh ngân hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.
2. Quy chế này áp dụng đối với các bộ phận trong bộ máy tổ chức của VAB được quy định tại Điều lệ VAB, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát, Ban điều hành và các đơn vị, bộ phận, cá nhân liên quan khác của VAB.

Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau đây:

1. Tuân thủ các quy định có liên quan của Pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả.
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị VAB.
5. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông.
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của VAB; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
7. Ngăn ngừa xung đột lợi ích.

Điều 3. Cơ cấu quản trị VAB

Cơ cấu quản trị VAB gồm có:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ VAB cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này. Các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế quy định hoặc văn bản đó.

Chương II**CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG****Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, cổ đông VAB có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp VAB có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do VAB công bố theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ VAB, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định/nghị quyết đó theo quy định của pháp luật.
4. Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:
 - a. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của VAB và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
 - b. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và các quy định nội bộ của VAB.

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ VAB tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của VAB và có quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của VAB theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 7. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ của VAB được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB, cụ thể như sau:

- a. Họp ĐHĐCĐ thường niên: ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do HĐQT triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết. f

- b. Hợp ĐHĐCD bất thường: ĐHĐCD bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ VAB.
- c. VAB phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của VAB dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của VAB có các khoản ngoại trừ trọng yếu.
- d. Các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCD khác và nội dung liên quan thực thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 8. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: ĐHĐCD được triệu tập bởi Hội đồng quản trị hoặc theo các trường hợp quy định tại Điều lệ VAB.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCD được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của VAB và theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. VAB phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
4. Thông báo mời họp ĐHĐCD được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự họp với nội dung và theo phương thức, thời gian được quy định tại Điều lệ VAB.
5. Chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

Chương trình họp ĐHĐCD, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của VAB. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp được công bố trên website của VAB để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Phiếu biểu quyết; Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cổ đông có thể xác nhận việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo các cách thức sau: gửi giấy xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đến VAB, xác nhận với người được ghi tên thay mặt VAB tiếp nhận xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trên thông báo mời họp qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax hoặc hình thức khác được ghi trên thông báo mời họp.
 - b. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

7. Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông biểu quyết phân đôi nghị quyết về việc tổ chức lại VAB hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ VAB có quyền yêu cầu VAB mua lại cổ phần của mình theo quy định tại Điều lệ VAB. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu VAB mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến VAB trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thể hiện rõ các nội dung quy định tại điều lệ VAB và diễn biến của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên Website của VAB trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải trên Website của VAB.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; VAB thực hiện gửi nghị quyết bằng việc đăng tải lên Website của VAB, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

10. VAB tiến hành trình tự, thủ tục triệu tập họp, điều kiện tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; các quy định khác về cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu, của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của VAB và Quy chế này. Những nội dung chưa được quy định tại Điều lệ thì sẽ áp dụng tại Quy chế này.

Điều 9. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến và các hình thức khác

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB.
2. Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
3. Trình tự thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và các hình thức khác thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB. Hướng dẫn cụ thể liên quan đến họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với trường hợp VAB đã niêm yết).
 - d. Hoạt động của các ủy ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
 - e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
 - f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
 - h. Báo cáo về các giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
- a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ VAB.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
 - c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của VAB.
 - d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và các người điều hành khác của VAB.
 - e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
 - f. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa VAB, công ty con của VAB với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VAB và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa VAB với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của VAB là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý VAB trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Hội đồng quản trị trong quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản trị VAB, có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB không thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.
2. HĐQT bao gồm các thành viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.

Số lượng thành viên HĐQT tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. *Cơ*

cấu thành phần của HĐQT, số lượng thành viên HĐQT độc lập đảm bảo theo quy định tại Điều lệ VAB.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.

- Giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

- Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các chức danh quản lý khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

- Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.

- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ.

- Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Hội đồng quản trị, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 14. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của VAB.
- Thành viên Hội đồng quản trị không cùng đảm nhiệm các chức vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 15. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khách của thành viên Hội đồng quản trị

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khách của thành viên Hội đồng quản trị được quy định theo Điều lệ VAB và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự, thủ tục họp quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VAB.
- Chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB.
- Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.

Điều 17. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và chi tiết tại Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT VAB.
- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi 01 bản sao cho Trưởng Ban kiểm soát để giám sát và 01 bản sao cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện sau ban hành.
- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị có tính hiệu lực cao nhất giữa hai kỳ họp Đại hội đồng cổ đông. Mọi bộ phận, cá nhân trong VAB, kể cả thành viên Hội đồng quản trị đều có nghĩa vụ thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc và/hoặc người được Tổng Giám đốc phân công chỉ đạo chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nội dung có liên quan đã nêu tại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc phải nhanh chóng báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp nhận thấy việc thực hiện nghị quyết, quyết định trên thực tế tại thời điểm hiện tại hoặc tương lai có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của VAB để Hội đồng quản trị xem xét. Trường hợp Hội đồng quản trị không ban hành nghị quyết, quyết định thay thế, Tổng Giám đốc có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được ban hành.

Điều 18. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị có thể thành lập các Ủy ban/Hội đồng để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ VAB và theo quy định của

pháp luật hiện hành. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban/Hội đồng này do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Việc thành lập và hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
 - a. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị
 - b. Cơ cấu của các ủy ban
 - c. Tiêu chuẩn thành viên của ủy ban, chủ tịch ủy ban
 - d. Việc thành lập ủy ban
 - e. Trách nhiệm và nội dung hoạt động của các ủy ban và từng thành viên.

Chương IV **BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban kiểm soát trong quản trị ngân hàng

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát của VAB có tối thiểu 05 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc và được sử dụng Kiểm toán nội bộ của VAB, được sử dụng các nguồn lực của VAB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Ban kiểm soát xây dựng ban hành và thực hiện các Quy định tổ chức và hoạt động của mình trên cơ sở quy định pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều lệ VAB từng thời kỳ, quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 21. Ứng cử, đề cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Cách thức ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát
 - a. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
 - b. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có quyền đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định nội bộ của VAB. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.
2. Giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát

- a. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của VAB để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.
- b. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Các lợi ích liên quan đến VAB và các bên có liên quan của VAB (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
3. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của VAB nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB.
6. Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban kiểm soát, VAB phải công bố thông tin về các quyết định này trên trang thông tin điện tử của VAB (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ). Đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB. Ngoài ra, Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Giám sát tình hình tài chính VAB, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác;
3. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ VAB của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của VAB, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
4. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ VAB.
5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và cổ đông.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua

Điều 23. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát họp định kỳ mỗi quý 01 (một) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết công việc đột xuất. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số

thành viên Ban kiểm soát. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Trong trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

Điều 24. Quyết định của Ban kiểm soát

1. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua theo quy định tại Điều lệ VAB và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Quyết định của Ban kiểm soát phải được gửi 01 bản cho các thành viên Hội đồng quản trị và 01 bản cho Tổng Giám đốc để biết, thực hiện ngay sau khi ban hành.

Chương V

BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 25. Cơ cấu tổ chức và vai trò của Ban điều hành/Người điều hành

1. Ban điều hành gồm có Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối Tài chính, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
2. Ban điều hành có nhiệm vụ quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của VAB theo chính sách, định hướng được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra trong từng thời kỳ; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
3. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của VAB, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, ĐHCĐ và pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của VAB và việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ VAB.
4. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành một số lĩnh vực trong hoạt động của VAB theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, phân quyền.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của VAB, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
6. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nội bộ của VAB và theo phân công, ủy quyền của Tổng Giám đốc. Báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền.
7. Tổng Giám đốc xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định điều hành của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ VAB và nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT và quy định tại Quy chế này.

Điều 26. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện, các trường hợp không được đồng thời đảm nhiệm chức vụ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ VAB.
2. Kế toán trưởng phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ của VAB.
3. Giám đốc Khối/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định nội bộ của VAB. Tổng Giám đốc chỉ đạo xây dựng và quyết định tiêu chuẩn cụ thể đối với các chức danh trên.

Điều 27. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị lựa chọn và ra quyết định bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc thuê Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định nội bộ VAB.
2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành thực hiện theo Điều lệ và các quy định có liên quan của VAB từng thời kỳ.
3. VAB thực hiện thủ tục công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban điều hành theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 28. Quyết định, chỉ đạo, điều hành của Ban điều hành

1. Quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc:
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi trách nhiệm, quyền hạn được HĐQT phân cấp theo quy định nội bộ VAB và quy định pháp luật, Tổng Giám đốc được toàn quyền quyết định hoặc chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động VAB phát triển an toàn, bền vững theo đúng định hướng, chiến lược được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc có hiệu lực cao nhất đối với mọi cán bộ trong VAB, trừ các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - c. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và thành viên điều hành khác có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc các quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.
2. Quyết định, chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác
 - a. Căn cứ tình hình thực tế và phạm vi quyền hạn được Tổng Giám đốc phân cấp, phân quyền, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác được quyền thay mặt Tổng Giám đốc ra các quyết định, chỉ đạo điều hành nhằm đảm bảo hoạt động mảng công việc được Tổng Giám đốc phân công phụ trách phát triển có hiệu quả và phù hợp với định hướng, mục tiêu hoạt động chung của VAB trong từng thời kỳ.
 - b. Quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác khi được Tổng Giám đốc phân cấp/phân quyền có giá trị hiệu lực đối với các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong VAB tương tự quyết định, chỉ đạo điều hành của Tổng Giám đốc.

- c. Trường hợp xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền ra quyết định chỉ đạo điều hành phù hợp nội dung quyết định, chỉ đạo điều hành của Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác.
3. Quyết định chỉ đạo của Kế toán trưởng
Trách nhiệm, quyền hạn và chỉ đạo của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật kế toán và các quy định về kế toán của VAB.
4. Báo cáo
- a. Mọi quyết định và ý kiến chỉ đạo điều hành của thành viên Ban điều hành có liên quan đến hoạt động kinh doanh quan trọng, các mảng việc lớn hoặc có tính chất thay đổi quy trình nghiệp vụ hoặc có liên quan đến sản phẩm, dịch vụ ngân hàng mới đều phải gửi 01 (một) bản đến Hội đồng quản trị để báo cáo.
- b. Các Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc/Phó Giám đốc Khối và các chức danh điều hành khác có trách nhiệm báo cáo kịp thời với Tổng Giám đốc về các quyết định và ý kiến chỉ đạo lớn của mình trong phạm vi mảng nhiệm vụ được phân công.

CHƯƠNG VI PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 29. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp hoạt động theo nguyên tắc:

1. Luôn vì lợi ích chung của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 30. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành

1. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng theo quy định tại Điều lệ của VAB, Quy chế này và quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. HĐQT quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (không bao gồm các vấn đề Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền việc ra quyết định cho HĐQT) và các vấn đề xin chấp thuận/phê duyệt của Ngân hàng nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi HĐQT các biên bản, kết luận các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban Điều hành trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Tổng giám đốc báo cáo HĐQT kết quả thực hiện các các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông định kỳ hàng quý.
5. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.

6. HĐQT được quyền yêu cầu Ban điều hành và các Đơn vị báo cáo thực hiện công việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của VAB, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của VAB, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Hội đồng quản trị tạo điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành VAB. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.

Điều 31. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát

1. HĐQT phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. HĐQT đảm bảo quyền của Ban kiểm soát được tiếp cận, cung cấp thông tin, tài liệu, quyền tham gia các cuộc họp được triệu tập theo quy định của HĐQT.
3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của VAB.
4. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.
5. Ban kiểm soát phối hợp và thông tin kịp thời cho HĐQT về kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ, tham khảo ý kiến của HĐQT đối với các nội dung báo cáo, tài liệu của Ban kiểm soát trước khi trình ĐHCĐ hoặc cung cấp/công bố cho các đơn vị bên ngoài VAB.

Điều 32. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
 - a. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có). Ban điều hành gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.
 - b. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng công việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.
 - c. Ban điều hành chịu mọi trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin và báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
 - d. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB, thành viên Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng công việc đó.

2. Phối hợp khác

Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm

trau đổi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thực quản trị, điều hành ngân hàng. Việc tham gia các khóa học nghiệp vụ của thành viên Ban kiểm soát không được ảnh hưởng đến công việc chung của VAB.

3. Các nội dung phối hợp cụ thể giữa Ban kiểm soát và Ban điều hành thực hiện theo quy định nội bộ của VAB ban hành từng thời kỳ.

CHƯƠNG VII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho VAB vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch do chính thành viên đó hoặc do những người có liên quan của thành viên đó thực hiện có liên quan đến VAB theo quy định tại Điều lệ VAB. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, VAB phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định pháp luật về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa VAB với Công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích trong giao dịch này chưa được xác định, và/hoặc cho dù lợi ích này là vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong báo cáo tài chính thường niên.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của VAB hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, VAB phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Ban điều hành tiến hành công bố thông tin hợp đồng theo quy định pháp luật và quy định VAB (nếu có).

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định của Điều lệ VAB và các cổ đông sở hữu tối thiểu 05% số cổ phần có quyền biểu quyết của VAB cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về người có liên quan của họ.
3. VAB áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của VAB.

Điều 35. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến VAB

1. VAB tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến VAB bao gồm chủ nợ, người lao động, người sử dụng dịch vụ của VAB, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến VAB.
2. VAB hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến VAB thông qua việc:
 - a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho chủ nợ để giúp họ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của VAB và đưa ra quyết định.
 - b. Khuyến khích những người có quyền lợi liên quan đến VAB đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan đến lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành.
 - c. VAB tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 36. Phương thức đánh giá hoạt động

Tùy thuộc quyết định của Hội đồng quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành có thể được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:

1. Tự nhận xét đánh giá;
2. Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
3. Đánh giá hoạt động hằng năm được tiến hành vào dịp cuối năm;
4. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
5. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 37. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành tối thiểu bao gồm các tiêu chí như sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị;
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ VAB và quy định pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực và cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;

4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tin nhiệm với nhân viên.

Điều 38. Xếp loại, đánh giá

1. Việc xếp loại, đánh giá thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành thực hiện theo quy định của VAB.
2. Các văn bản đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành phải được lưu giữ trong hồ sơ cá nhân tại VAB.

Điều 39. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành có thành tích trong việc quản trị, điều hành và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của VAB.
 - b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định nội bộ của VAB tại từng thời điểm.
2. Kỷ luật, bồi thường thiệt hại
 - a. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của VAB, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý theo các hình khác theo quy định pháp luật và/hoặc VAB và bồi thường thiệt hại cho VAB.
 - b. Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật được thực hiện theo Nội quy lao động, Quy chế xử lý kỷ luật và các văn bản khác của VAB tại từng thời kỳ.

Chương IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 40. Công bố thông tin

Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành Quy chế về công bố thông tin và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB.

Điều 41. Xử lý vi phạm

1. Khi thấy cán bộ, nhân viên nào của VAB (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Trưởng Ban kiểm soát.
2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng quản trị xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật và/hoặc quy định của VAB. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho VAB, người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho VAB.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.
3. Các nội dung chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của VAB tùy từng thời điểm do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban điều hành ban hành.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT quyết định sau khi được Đại hội đồng cổ đông phân công hoặc do HĐQT ban hành sau khi được ĐHCĐ chấp thuận. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cá nhân, Đơn vị liên quan trong toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
5. Quy định chuyển tiếp:
 - a. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều lệ được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
 - b. Hội đồng quản trị của VAB được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định của Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
 - c. Ban kiểm soát của VAB có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC I

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phụ lục này quy định về việc tổ chức và tham dự Đại hội đồng cổ đông (thường niên hoặc bất thường) của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á (“VAB”) theo hình thức Đại hội trực tuyến và quy định về việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
2. Phụ lục này áp dụng đối với toàn bộ cổ đông của VAB và trong toàn hệ thống VAB.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt:

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. **Điều lệ** là Điều lệ hoạt động hiện hành đang được áp dụng của VAB.
- b. **Đại biểu** là cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham gia Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
- c. **Đại hội đồng cổ đông trực tuyến** là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của VAB được tổ chức dưới hình thức sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải âm thanh, hình ảnh thông qua hệ thống trực tuyến kết nối bằng internet để các Đại biểu tham gia dự họp thực hiện các quyền biểu quyết, ý kiến, chất vấn và các quyền liên quan của mình khi tham dự Đại hội đồng cổ đông. VAB có thể lựa chọn:
 - i. Đại hội cổ đông trực tuyến toàn phần: là toàn bộ các Đại biểu tham gia trực tuyến; hoặc,
 - ii. Đại hội cổ đông trực tuyến một phần: là các Đại biểu có thể lựa chọn tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến.
- d. **Đại hội truyền thống** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tại duy nhất một địa điểm, cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- e. **Bỏ phiếu điện tử** là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử tại thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- f. **Bỏ phiếu truyền thống** là việc Đại biểu tham gia biểu quyết trực tiếp tại Đại hội truyền thống.
- g. **Hệ thống bỏ phiếu điện tử** là hệ thống do VAB quy định và thông báo nhằm cung cấp cho Đại biểu các công cụ để thực hiện quyền biểu quyết khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- h. **Sự kiện bất khả kháng** là những sự việc xảy ra ngoài ý chí và khả năng kiểm soát của người triệu tập đại hội, người điều hành đại hội và không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp sau: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác....
- i. **Ngày đăng ký cuối cùng** là ngày làm việc do VAB ấn định để xác định danh sách cổ

đồng được hưởng quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông phù hợp với thông báo của VAB và quy định pháp luật.


2. Các từ viết tắt:

- a. **VAB:** Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á.
- b. **DHDCĐ:** Đại hội đồng cổ đông của VAB.
- c. **HDQT:** Hội đồng quản trị VAB.
- d. **NHNN:** Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Các nguyên tắc tổ chức DHDCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

- 1. Được thực hiện và tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
- 2. Đảm bảo tính phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế; mang lại hiệu quả và an toàn cho việc tổ chức DHDCĐ.
- 3. Đảm bảo không bỏ sót bất cứ thủ tục nào theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ, đáp ứng đầy đủ lợi ích hợp pháp của cổ đông như tổ chức cuộc họp DHDCĐ trực tiếp.
- 4. Đảm bảo việc bỏ phiếu minh bạch, công khai và thống kê chính xác.

Điều 4. Các trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến và nguyên tắc bỏ phiếu

- 1. Việc tổ chức DHDCĐ trực tuyến được tiến hành căn cứ tình hình và điều kiện thực tế của VAB cũng như yêu cầu xã hội và đảm bảo tuân thủ các quy định về tổ chức DHDCĐ theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn các trường hợp sau:
 - a. Khi xảy ra dịch bệnh, thiên tai, có lệnh hạn chế hoặc cấm đi lại (nội địa và/hoặc quốc tế).
 - b. Phải thực hiện cách ly xã hội hoặc phong tỏa từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - c. Các lý do khách quan và/hoặc trường hợp khác mà HDQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không thể tổ chức họp DHDCĐ theo hình thức trực tiếp.
- 2. Điều kiện tiến hành DHDCĐ trực tuyến
 - a. Số Đại biểu tham dự DHDCĐ trực tuyến (tổ chức cuộc họp lần 1, lần 2 và lần 3) theo quy định tại Điều lệ VAB hiện hành.
 - b. Hệ thống tổ chức DHDCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đảm bảo đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, không bị/ hạn chế bị gián đoạn; địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác đáp ứng kịp thời cho việc truyền thông tin, hình ảnh, dữ liệu; đảm bảo an toàn bí mật thông tin, việc truyền và tiếp nhận thông tin tuân thủ theo quy định Luật an toàn thông tin mạng và quy định có liên quan của NHNN; cuộc họp và dữ liệu điện tử của chương trình DHDCĐ trực tuyến phải được lưu trữ, trích xuất theo quy định.
- 3. Nguyên tắc bỏ phiếu theo từng hình thức tổ chức DHDCĐ:
 - a. Trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến toàn phần: sử dụng hình thức bỏ phiếu điện tử để thực hiện việc biểu quyết.
 - b. Trường hợp tổ chức DHDCĐ trực tuyến một phần hoặc trực tiếp: sử dụng hình thức bỏ phiếu truyền thống kết hợp với bỏ phiếu điện tử tùy theo tình hình, như 

cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.

- c. Trường hợp phát sinh nội dung mới cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ thì Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu quy định tại điểm b khoản này tương ứng với hình thức tham dự của từng Đại biểu.
4. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT/Người triệu tập quyết định hình thức tổ chức họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên và/hoặc bất thường (họp trực tiếp và/hoặc trực tuyến, bỏ phiếu truyền thông và/hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép) và thông báo tới các cổ đông khi quyết định thực hiện căn cứ theo tình hình và điều kiện thực tế tại thời điểm dự kiến tổ chức cuộc họp.

Điều 5. Trình tự, thủ tục tiến hành ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được pháp luật cho phép phải bao gồm đầy đủ và theo trình tự, đảm bảo thời gian các thủ tục cần thực hiện tương tự như tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp; gửi lại thông báo mời họp và chương trình, tài liệu cuộc họp; đăng ký cổ đông/đăng ký ủy quyền dự họp; xác định Chủ tọa cuộc họp, thông qua chương trình, nội dung cuộc họp và cử Thư ký, bầu Ban kiểm phiếu; thảo luận và biểu quyết; lập và thông qua Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ; công bố thông tin liên quan...) cũng như phải đảm bảo các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan (tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức Đại hội...).

Điều 6. Điều kiện tham dự và ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tất cả các cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ của VAB theo thông báo quyền dự họp của VAB đều được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Phụ lục này.
2. Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.
3. Việc ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử được thực hiện như sau:
 - a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu biểu quyết.
 - b. Cổ đông là tổ chức: tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông chỉ được ủy quyền cho 01 người đại diện.
 - c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền để có cơ sở để cấp mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền, gồm: họ và tên, số CMND/CCCD/Mã số doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, địa chỉ liên lạc.
 - d. Hiệu lực của việc ủy quyền: việc ủy quyền của các cổ đông chỉ có hiệu lực khi thỏa mãn đủ các điều kiện sau:
 - i. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
 - ii. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký,

ghi rõ họ và tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

iii. VAB nhận được bản chính Giấy ủy quyền nêu trên trước 04 ngày khi ĐHĐCĐ được khai mạc chính thức.

- e. Khi ủy quyền có hiệu lực theo như điểm d khoản này thì bên nhận ủy quyền sẽ nhận được thông tin truy cập tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thông qua số điện thoại theo thông tin được cung cấp tại Giấy ủy quyền.
- f. Hủy bỏ việc ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử: cổ đông phải gửi văn bản chính thức đề nghị hủy việc ủy quyền trực tuyến cho VAB. Việc hủy ủy quyền chỉ có hiệu lực khi VAB nhận được văn bản đề nghị hủy ủy quyền trước khi ĐHĐCĐ khai mạc chính thức.
- g. Hủy bỏ ủy quyền sẽ không có hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu điện tử để biểu quyết với vấn đề nào của nội dung chương trình cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Cung cấp thông tin và cách thức đăng nhập để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Đại biểu được nhận Thư mời họp trực tuyến có hướng dẫn và đường dẫn để truy cập đăng ký tham dự ĐHĐCĐ cũng như các tài liệu cho Đại hội.
2. Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo tài liệu hướng dẫn có trong Thư mời để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu trước khi tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến. Đại biểu đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo quy định là cơ sở xác định tỷ lệ cổ đông tham dự để tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.
3. Sau khi xác thực tư cách Đại biểu hợp lệ, VAB sẽ gửi thông tin được cấp duy nhất cho từng Đại biểu gồm mã đăng nhập (user) và mật khẩu (password) vào số điện thoại do Đại biểu đăng ký. Việc đăng nhập dùng bằng user và dùng password do VAB cấp được xem là chính Đại biểu xác nhận tham dự Đại hội. Đại biểu đăng nhập bằng user và password được cấp để bắt đầu tham dự Đại hội theo như hướng dẫn của VAB đã cung cấp trong Thư mời họp.
4. Đại biểu không đăng ký thông tin và xác nhận tư cách Đại biểu với VAB theo khoản 2 Điều này sẽ không được tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến nhưng vẫn có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ trực tiếp (nếu ĐHĐCĐ tổ chức trực tuyến một phần).
5. Trường hợp Đại biểu muốn đăng ký thay đổi/dăng ký mới thông tin định danh khác với thông tin đã đăng ký với VAB thì liên hệ với VAB để cập nhật thông tin trước ngày đăng ký cuối cùng theo quy định của VAB.
6. VAB không chịu trách nhiệm đối với việc Đại biểu không cập nhật và/hoặc không cập nhật kịp với VAB các thông tin định danh mới làm ảnh hưởng đến việc tham dự ĐHĐCĐ.

Điều 8. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Đại biểu được hệ thống trực tuyến ghi nhận là tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống trực tuyến bằng các thông tin và theo cách thức đăng ký tham dự quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
2. Việc Đại biểu tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống trực tuyến được xem

như Đại biểu trực tiếp tham dự và kết quả bỏ phiếu thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử cũng có giá trị như kết quả bỏ phiếu trực tiếp tại ĐHĐCD.

3. Hệ thống trực tuyến sẽ bắt đầu ghi nhận việc Đại biểu đăng ký tham dự họp ĐHĐCD trực tuyến trước thời điểm khai mạc 60 phút so với chương trình dự kiến hoặc một thời gian khác sớm hơn theo thông báo mà VAB gửi cho cổ đông.
4. Ban kiểm tra Đại biểu căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các Đại biểu để làm cơ sở xác định số Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến.

Điều 9. Thảo luận tại ĐHĐCD trực tuyến

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các nội dung được trình bày trong chương trình ĐHĐCD trực tuyến.
 - b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
 - c. Đại biểu có thể phát biểu, góp ý trực tiếp với Đại hội thông qua hệ thống âm thanh, hình ảnh được kết nối với Ban tổ chức Đại hội hoặc thông qua màn hình chat với Ban thư ký Đại hội.
 - d. Ban thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa Đại hội hoặc thành viên do Chủ tọa Đại hội chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu.
 - b. Trường hợp do thời gian bị giới hạn, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được VAB trả lời sau.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “**tán thành**”, “**không tán thành**”, “**không ý kiến**” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết (đối với bỏ phiếu điện tử) để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
2. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - a. Việc bỏ phiếu điện tử chỉ được thực hiện khi Đại biểu đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo cách thức quy định tại Điều 7 Phụ lục này.
 - b. Việc bỏ phiếu điện tử được thực hiện vào thời điểm diễn ra cuộc họp và theo diễn tiến cuộc họp cho từng vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội. Đại biểu biểu quyết theo sự điều hành của Chủ tọa Đại hội/người điều hành Đại hội cho các vấn đề cần biểu quyết của nội dung chương trình Đại hội và theo Điều lệ.
 - c. Trường hợp Đại biểu đang kết nối không thực hiện biểu quyết quyết thì được hiểu là Đại biểu đó bỏ phiếu “**không ý kiến**” đối với các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại biểu.
 - d. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại

biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết đối với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu bỏ phiếu “không ý kiến” đối với các nội dung này.

- e. Khi tiến hành Đại hội, Chủ tọa phải thông báo trực tiếp thời gian bỏ phiếu điện tử đối với từng nội dung được biểu quyết. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, Hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.
- f. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết trong thời gian biểu quyết nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết (bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội). Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu đối với từng nội dung được biểu quyết theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội.
- g. Đại biểu dừng kết nối trước thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử thì các nội dung nào Đại biểu đã bỏ phiếu sẽ được ghi nhận và nội dung nào chưa bỏ phiếu sẽ không được tính khi kiểm phiếu và không được tính vào tỷ lệ cổ đông biểu quyết đối với nội dung chưa bỏ phiếu này. Trường hợp Đại biểu kết nối lại thì Đại biểu được tiếp tục bỏ phiếu nếu chưa kết thúc thời gian bỏ phiếu điện tử của đợt kiểm phiếu đó theo thông báo trực tiếp của Chủ tọa Đại hội và biểu quyết các nội dung còn lại mà Đại hội chưa tiến hành biểu quyết.
- h. Trường hợp Đại biểu gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức Đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung biểu quyết, Đại biểu không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã biểu quyết và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả biểu quyết này.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.

1. Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến. Hệ thống sẽ kết xuất biên bản kiểm phiếu đối với các nội dung mà Đại biểu thực hiện biểu quyết.
2. Tổng số biểu quyết của từng nội dung biểu quyết tại Đại hội trực tuyến toàn phần là tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ đối với nội dung biểu quyết đó của tất cả Đại biểu tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng số biểu quyết tại Đại hội trực tuyến một phần kết hợp trực tiếp bao gồm phiếu biểu quyết hợp lệ của hình thức bỏ phiếu điện tử cộng với hình thức bỏ phiếu truyền thống của tất cả các Đại biểu tham dự.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu được ghi nhận như quy định tại Điều 11 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 13. Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến

Tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tuyến đối với từng nội dung được biểu quyết tương tự như tỷ lệ thông qua quyết định của ĐHĐCĐ trực tiếp được quy định tại Điều lệ. *f*

Điều 14. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ trực tuyến

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản ĐHĐCD trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam;
2. Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD trực tuyến được lập và thông qua tương tự như Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCD trực tiếp theo quy định tại Điều lệ.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Tham dự cuộc họp ĐHĐCD và biểu quyết tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định pháp luật, Điều lệ và Phụ lục này.
2. Có quyền phát biểu ý kiến, thảo luận trực tiếp tại ĐHĐCD trực tuyến theo quy định tại Điều 9 Phụ lục này.
3. Phải chuẩn bị và sử dụng thiết bị họp trực tuyến phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo theo dõi được diễn biến của ĐHĐCD trực tuyến.
4. Đại biểu có trách nhiệm bảo mật mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) để đảm bảo rằng chỉ Đại biểu mới có quyền tham dự ĐHĐCD trực tuyến và thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử được xem là quyết định cuối cùng của Đại biểu và Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước VAB về kết quả bỏ phiếu trên.
5. Đại biểu phải thông báo ngay cho VAB để kịp thời xử lý khi phát hiện mã đăng nhập (user), mật khẩu (password) và các yếu tố định danh khác (nếu có) bị mất, đánh cắp, bị lộ hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu mọi trách nhiệm đối với tất cả các thiệt hại, tổn thất, rủi ro khác xảy ra trước thời điểm VAB nhận được thông báo của Đại biểu nếu nguyên nhân là do lỗi của Đại biểu.
6. Đại biểu đồng ý để VAB cung cấp các dữ liệu thông tin của Đại biểu cho Bên thứ ba có liên quan (nếu có, như bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ...) để hỗ trợ việc thực hiện các quyền của Đại biểu trong việc tham dự ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

Điều 16. Trường hợp diễn ra sự kiện bất khả kháng

Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để ĐHĐCD có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong ĐHĐCD được triệu tập gần nhất.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Phụ lục này có hiệu lực theo hiệu lực của Quy chế quản trị nội bộ.
2. Phụ lục này là một phần đính kèm, không thể tách rời của Quy chế quản trị nội bộ.
3. Những vấn đề về tổ chức ĐHĐCD trực tuyến và bỏ phiếu điện tử chưa được đề cập đến trong Phụ lục này sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và các văn bản khác có liên quan của VAB.
4. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật có liên quan dẫn đến các quy định tại Phụ lục này khác với Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ và/hoặc quy định pháp luật đó.

5. Toàn thể cổ đông, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Đơn vị và các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống VAB có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này. *✓*

Số: 89/2024/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2024

NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á
DN: CN=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ NỘI, CN=NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI CP VIỆT Á,
O=D, E=2342.102030@100.1.VAB, ST=
0302963695
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2024.05.02 09:41:12+0700
Font PDF Reader Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: **"Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Ngân hàng TMCP Việt Á"**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 (Sau đây gọi tắt là Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng 2017);
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155/2020/NĐ-CP);
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (Sau đây gọi tắt là Thông tư 116/2020/TT-BTC);
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á ("VAB").

Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á, cụ thể như sau:

1. Mục đích sửa đổi, bổ sung:

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ban hành ngày 18/01/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2024. Theo đó, Luật các tổ chức tín dụng có nhiều điểm mới, thay đổi liên quan đến Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á.

Nhằm đảm bảo cập nhật quy định của pháp luật một cách kịp thời, đồng thời, trên cơ sở áp dụng thực tiễn, Hội đồng Quản trị nhận thấy cần sửa đổi, bổ sung một số quy định để phù hợp với thực tiễn hoạt động, cũng như tạo điều kiện cho Hội đồng Quản trị thuận lợi thực hiện vai trò quản trị của mình.

2. Nội dung văn bản sửa đổi, bổ sung:

- Nội dung sửa đổi các Điều/Khoản của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á: theo nội dung tại Dự thảo và Bảng so sánh Quy

chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị 2023 và sau khi sửa đổi - đính kèm Tờ trình này.

3. Nội dung trình phê duyệt của Hội đồng Quản trị:

Từ các nội dung nêu trên, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

- a. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á, hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024 (trừ các điều khoản chuyển tiếp theo dự thảo Quy chế) và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á ban hành kèm theo Quyết định số 121/2023/QĐ-HDQT ngày 11/5/2023 của Hội đồng Quản trị VAB.
- b. Chấp thuận giao và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các công việc như sau:
 - (i) Hoàn chỉnh dự thảo và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP Việt Á theo nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2024 thông qua tại cuộc họp, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung nội dung, điều chỉnh thứ tự điều khoản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn;
 - (ii) Thực hiện công bố thông tin, đăng ký, thông báo cho các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật và thông báo cho các Cổ đông VAB tại trang thông tin điện tử của VAB. Đối với nội dung này, Hội đồng Quản trị được quyền ủy quyền/ giao lại cho Tổng Giám đốc VAB thực hiện.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
- TV HDQT, BKS;
- Lưu VP.HDQT.

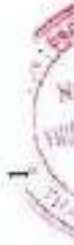
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phùng Thành Long

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
1.	Điều 1	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này quy định về tổ chức, quản trị và hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB).</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Tham chiếu Điều 1 mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
2.	Điều 1			
3.	Điều 3	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. “VAB” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. 2. “HĐQT” là chữ viết tắt của Hội đồng Quản trị. 3. “BKS” là chữ viết tắt của Ban Kiểm soát. 4. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của VAB. 5. “Cổ đông lớn” là Cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 05% (Năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB. 6. “Cổ đông sáng lập” là cổ đông góp vốn thành lập tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản điều lệ tổ chức và hoạt động đầu tiên của VAB. 7. “Cổ phần” là Vốn điều lệ của VAB được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). 8. “Cổ phiếu” là chứng chỉ do VAB phát hành hoặc bút toán ghi số xác nhận quyền sở hữu một hoặc 	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa các thuật ngữ áp dụng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á, từng thời kỳ và theo quy định pháp luật. Trường hợp có sự thay đổi quy định pháp luật và Điều lệ VAB dẫn đến từ ngữ trong Quy chế này khác nghĩa, hoặc chưa được định nghĩa tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định mới tại quy định pháp luật và Điều lệ VAB. “VAB” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á. “HĐQT” là chữ viết tắt của Hội đồng Quản trị. “BKS” là chữ viết tắt của Ban Kiểm soát. 	



STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>một số Cổ phần của VAB. Cổ phiếu của VAB có thể là cổ phiếu ghi tên hay cổ phiếu không ghi tên theo quy định của Điều lệ này.</p> <p>9. “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi Cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của VAB sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.</p> <p>10. “Công ty con” của VAB là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (Năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>b) VAB có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;</p> <p>c) VAB có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con.</p> <p>d) VAB và người có liên quan của VAB trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.</p> <p>11. “Công ty liên kết” của VAB là Công ty trong đó VAB hoặc VAB và người có liên quan của VAB sở hữu trên 11% (Mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (Mười một phần trăm) vốn cổ</p>		

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của VAB.</p> <p>12. “Luật Các tổ chức tín dụng” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010, Luật số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.</p> <p>13. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản luật sửa đổi, bổ sung Luật này.</p> <p>14. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>15. “Người điều hành VAB” bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh điều hành khác theo quy định về cơ cấu tổ chức của VAB.</p> <p>16. “Người quản lý VAB” bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán</p>		

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>trương và các chức danh tương đương khác của VAB.</p> <p>17. “NHNN” là chữ viết tắt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>18. “Pháp luật” là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.</p> <p>19. “Sổ đăng ký Cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc bằng cả hai hình thức là văn bản và dữ liệu điện tử có chứa các nội dung chủ yếu theo quy định của NHNN và các quy định pháp luật khác có liên quan.</p> <p>20. “Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị” là thành viên của Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và tại Điều lệ này.</p> <p>21. “Thời hạn hoạt động” là khoảng thời gian mà VAB được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho đến khi VAB chấm dứt hoạt động theo các quy định pháp luật có liên quan. VAB có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định bằng văn bản của Đại hội đồng Cổ đông và sự chấp thuận bằng văn bản của NHNN.</p> <p>22. “Tổ chức lại” là việc VAB bị chia, tách, hợp nhất,</p>		

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản”.</p> <p>23. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>24. “Vốn điều lệ” là vốn đã được các cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ VAB.</p> <p>25. “Giấy tờ pháp lý của cá nhân” là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.</p> <p>26. “Giấy tờ pháp lý của tổ chức” là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.</p> <p>Trường hợp có sự thay đổi quy định pháp luật và Điều lệ VAB dẫn đến từ ngữ trong Quy chế này khác nghĩa thì áp dụng theo quy định mới tại quy định pháp luật và Điều lệ VAB.</p>		
4.	Điều 5	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:		
5.	Điều 5 Khoản 1	<p>1. HĐQT có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với hoạt động VAB từng thời kỳ trong đó phải có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT là thành viên không là người điều hành của VAB và thành viên độc lập.</p>	<p>1. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.</p>	Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024

10/10/2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
6.	Điều 5 Khoản 2	<p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó, hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <p>Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	<p>2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị; nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p>	Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024
7.	Điều 6	Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT		
8.	Điều 6 Khoản 2.4	2.4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.	2.4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
9.	Điều 6 Khoản 2.5	2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật; quyết định việc thành lập, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.	2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Đại hội đồng cổ đông; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024
10.	Điều 6 Khoản 2.6	2.6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, và Người quản lý, Người điều hành khác theo quy định nội bộ đo HĐQT ban hành.	2.6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ đo HĐQT ban hành.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024
11.	Điều 6 Khoản 2.7	2.7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm	2.7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024

7

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
12.	Điều 6 Khoản 2.8	2.8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.	2.8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác. Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024
13.	Điều 6 Khoản 2.9.a	a) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB từ 10% (Mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB quy định tại Điều 33.1.q Điều lệ VAB.	a) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản có định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản có định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024
14.	Điều 6 Khoản 2.10.a	a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại Điều 127.3 và Điều 128.7 của Luật Các tổ chức tín dụng.	a) Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024
15.	Điều 6 Khoản 2.11	2.11. Thông qua các hợp đồng của VAB với công ty con, công ty liên kết của VAB; các hợp đồng của VAB với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.	2.11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.	Điều 70 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
16.	Bổ sung		2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.	
17.	Khoản 2.19 Điều 6	2.19. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VAB	2.20. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.	
18.	Khoản 2.27 Điều 6	2.27. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh)	2.28. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh).	
19.	Khoản 2.28 Điều 6	2.28. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng trên cơ sở định hướng phát triển đã được ĐHDGD thông qua.	2.29. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.	
20.	Bổ sung Điều 6		2.36. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Theo Nghị định 153/2020/NĐ-CP và NĐ 65/2022/NĐ-CP

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
21.	Điều 6 Bổ sung		2.37. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	
22.	Điều 6 Bổ sung		2.38. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao ủy quyền triển khai thực hiện cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	
23.	Điều 6 Khoản 2.35	2.35. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).	2.39. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).	
24.	Điều 6 Bổ sung		3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VAB quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.	Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
25.	Điều 6 Bổ sung		4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cung liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VAB; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	Chuyển từ Điều 8 Quy chế hiện hành lên Điều 6
26.	Điều 6 Khoản 4	4. Giúp việc cho HĐQT có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT được quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 25 của Quy chế này.	6. Giúp việc cho HĐQT có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT được quy định tại Chương V của Quy chế này và theo quy định nội bộ của VAB từng thời kỳ.	Do bỏ cục lại văn bản
27.	Điều 7	Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT		
28.	Điều 7 Khoản 1	1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.	1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.	Điều 71 Luật các tổ chức tín dụng 2024
29.	Điều 7 Khoản 2	2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT.	2. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.	Điều 71 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
30.	Điều 7 Khoản 3	3. Tổ chức việc thống qua quyết định của HĐQT.	3. Tổ chức việc thống qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.	Điều 71 Luật các tổ chức tín dụng 2024
31.	Điều 7 Khoản 5	5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.	5. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	Điều 71 Luật các tổ chức tín dụng 2024
32.	Điều 7 Khoản 10	10. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT hoặc thành viên trong các Ủy ban do HĐQT thành lập để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	12. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	Sắp xếp lại bố cục văn bản, chuyển thành khoản 12 và sửa đổi phù hợp quy định pháp luật
33.	Điều 7 Khoản 13	13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VAB (nếu có).	13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).	
34.	Điều 8	Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT		
35.	Điều 8 Khoản 1	1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ VAB và quy định nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của VAB và Cổ đông.	1. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực cẩn trọng. Vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa	Điều 72 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
36.	Điều 8 Khoản 2	<p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình</p>	<p>vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p> <p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình</p>	
37.	Điều 8 Khoản 3	<p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình</p>	<p>2. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.</p> <p>3. Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
38.	Điều 8 Bổ	10. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho ngân hàng thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho ngân hàng; thành viên phân phối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.		Sắp xếp lại bố cục, chuyển lên Điều 6
39.	Điều 8 Bổ sung		10. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2.4, 2.6, 2.7, 2.9, 2.10, 2.11, 2.13, 2.14, 2.15, 2.21 và 2.36 Điều 6 của Quy chế này.	Điều 72 Luật các tổ chức tín dụng 2024
40.	Điều 9 Tiêu đề	Vai trò của thành viên HĐQT độc lập	Vai trò thành viên độc lập của HĐQT	
41.	Điều 10	Điều 10. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	Điều 10. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	
42.	Điều 10 Khoản 2	2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công làm thiết hoạch thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB	2. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công làm thiết hoạch thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính chính hằng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.	theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.	
43.	Điều 10 Khoản 3	3. Thành viên Hội đồng Quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.	3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.	Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
44.	Điều 10 Bổ sung		4. Thành viên Hội đồng quản trị năm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.	Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
45.	Điều 10 Bổ sung		<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VAB.</p>	<p>Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
46.	Điều 11 Bổ sung		<p>Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong VAB cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB và của đơn vị trong VAB.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ VAB quy định.</p>	<p>Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
47.	Điều 12 Bổ sung		<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VAB Công ty với các đối tượng là người có liên quan theo quy định Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Người đại diện VAB ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên</p>	<p>Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	
48.	Điều 13 Bổ sung		<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>L. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;</p> <p>b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ;</p> <p>c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ VAB;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ VAB;</p> <p>e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>đ) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;</p>	Tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, Luật các TCTD 2024, Điều lệ VAB

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
49.	Điều 11	Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT	Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT	
50.	Khoản 1	1. Cá nhân được bầu làm thành viên HĐQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN; b) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VAB và/hoặc theo quy định của pháp luật. 2. Các thủ tục, trình tự triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.	
51.	Khoản 1.b	b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên HĐQT theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.	b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ VAB, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
52.	Khoản 1.c	c) Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết pháp luật.	c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật. d) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
53.	Khoản 1.d	d) Có bằng đại học trở lên.	e) Có trình độ từ đại học trở lên.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
54.	Điều 11 Khoản 1.c	e) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.	f) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
55.	Điều 11 Bố	g) Chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tối đa 05 (năm) công ty khác.		Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
56.	Điều 11	2. Đối với thành viên HĐQT độc lập, ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định sau: b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.	2. Đối với thành viên độc lập của HĐQT, ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định sau: b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.	
57.	Điều 11 Khoản 2.b	c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB.	c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
58.	Điều 11 Khoản 2.c			Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
59.	Điều 11 Khoản 2.d	d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 01% (Một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB; không cùng người có liên quan sở hữu từ 05% (Năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB.	d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB.	Điều 41 Luật các tổ chức tín dụng 2024
60.	Điều 12	Điều 12. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của VAB:	Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	
61.				
62.	Điều 12	1. Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.	1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế-hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
63.	Điều 12	2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án.	2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
64.	Điều 12	3. Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu, phạm an ninh quốc gia mà chưa được xóa án tích.	3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
65.	Điều 12	4. Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.	4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
66.	Điều 12 Khoản 5	5. Cán bộ, công chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.	5. Cán bộ, công chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại VAB.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
67.	Điều 12 Khoản 6	6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của nhà nước tại VAB.	6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của nhà nước tại VAB.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
68.	Điều 12 Khoản 7	7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của các Doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố vi lý do bất khả kháng.	7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc(Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
69.	Điều 12 Khoản 8	8. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc, giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó.	gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
70.	Điều 12 Khoản 9	9. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.	8. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
71.	Điều 12 Khoản 10	10. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng chống tham nhũng.	9. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
72.	Điều 12 Bổ sung		10. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.	Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng 2024
73.	Điều 12 Bổ sung		12. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.	Phù hợp với điều lệ VAB
74.	Điều 13 sửa đổi	Điều 13. Những trường hợp không cùng đàm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	Điều 16. Những trường hợp không cùng đàm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
75.	Điều 13 sửa đổi	<p>1. Thành viên HĐQT không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của VAB.</p> <p>2. Thành viên HĐQT không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tin dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của VAB hoặc là thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tin dụng đó.</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT không được đồng thời là người điều hành của VAB và người điều hành tổ chức tin dụng khác.</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT của VAB không được đồng thời là Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: a) Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc; b) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác; c) Người quản lý, người điều hành tổ chức tin dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của tổ chức tin dụng đó hoặc của công ty mẹ của tổ chức tin dụng đó hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bất thuộc đã được phê duyệt;</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tin dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: a) Người điều hành của VAB; b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tin dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác; c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tin dụng khác, doanh nghiệp khác.</p>	Điều 43 Luật các tổ chức tin dụng 2024
76.	Điều 14	Điều 14. Dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT	Điều 17. Dương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
77.	Điều 14 Khoản 1	1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:		Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024
78.	Điều 14 Khoản 1.a	a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết.	a) Chết	
79.	Điều 14 Khoản 1.b	b) Vi phạm Điều 12 Quy chế này hoặc vi phạm quy định tại Điều lệ, quy định của pháp luật từng thời kỳ về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.	b) Vi phạm Điều 12, Điều 15 Quy chế này hoặc vi phạm quy định tại Điều lệ, quy định của pháp luật từng thời kỳ về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.	
80.	Điều 14 Khoản 1.c	c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của VAB mà khi tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức bị chấm dứt.	c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn-tại;	Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024
81.	Điều 14 Khoản 1.c	e) Khi có quyết định của Tòa án trực xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;	Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024
82.	Điều 14 Khoản 1.f	f) VAB bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.	f) VAB bị thu hồi giấy phép;	Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024
83.	Điều 14 Khoản 2	2. HĐQT phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu chứng minh về việc các trường hợp thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.	2. HĐQT phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu chứng minh về việc các trường hợp thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm f khoản 1 Điều này) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
84.	Điều 15	Điều 15. Bài nhiệm, miễn nhiệm đ) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên HĐQT độc lập.	Điều 18. Bài nhiệm, miễn nhiệm đ) Bài nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 55, Điều 43, điểm b khoản 2 Điều 49 của Điều lệ.	Điều 45 Luật các tổ chức tín dụng 2024
85.	Điều 15	Điều 16. Thay thế thành viên HĐQT 2. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ để bầu cho đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định.	Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT 3. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và khoản 2 Điều 50 Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, từ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.	Điều 50 Luật các tổ chức tín dụng 2024
86.	Điều 16	Điều 17. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị	Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị	
87.	Điều 16	Điều 18. Công khai các khoản lợi ích có liên quan 1. Thành viên HĐQT VAB phải công khai các thông tin như sau: a) Tên, địa chỉ, trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ và người có liên quan trực tiếp đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên quản lý từ 05% vốn điều lệ trở lên. b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành	Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan 1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành	Điều 49 Luật các tổ chức tín dụng 2024
88.	Điều 17	Tiêu đề		
89.	Điều 18			

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Việc công khai thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. VAB phải công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho ĐHDGD và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của VAB. Đồng thời phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày VAB nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của VAB đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về VAB.</p> <p>5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB từng thời kỳ</p>	<p>viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Có đồng sở hữu từ 01 % vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tin dụng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</p> <p>b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;</p> <p>d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.</p> <p>3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
			<p>ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>Đổi với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liên trước.</p> <p>4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.</p> <p>5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.</p> <p>6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải báo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p> <p>7. Các quy định khác theo quy định tại Điều lệ VAB.</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
90.	Điều 19	<p>Điều 19. HỌP HĐQT</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vẫn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p>	<p>Điều 22. Họp HĐQT</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vẫn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p>	
91.	Điều 19	<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vẫn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.</p> <p>Trưởng họp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vẫn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vẫn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.</p>	
92.	Điều 20	<p>Điều 20. Biên bản họp HĐQT</p>	<p>Điều 23. Biên bản họp HĐQT</p>	
93.	Điều 21	<p>Điều 21. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản</p>	<p>Điều 24. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản</p>	

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
94.	Điều 21 Khoản 2	2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên HĐQT.	2. Cán bộ Văn phòng HĐQT được phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên HĐQT.	Phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng 2020/4 và thực tiễn áp dụng
95.	Điều 21 Khoản 3.g	g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.	g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền	
96.	Điều 21 Khoản 3.h	h) Họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT có ý kiến	h) Phần ở trống Họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT có ý kiến .	
97.	Điều 21 Khoản 4	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và phải được gửi về VAB theo quy định.	4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký, họ và tên của thành viên HĐQT và phải được gửi về VAB theo quy định.	
98.	Điều 21 Khoản 6	6. Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT và/hoặc nhân khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	6. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng 2020/4 và thực tiễn áp dụng

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
99.	Điều 21 Khoản 7	7. Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đó kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	7. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đó kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng 20204 và thực tiễn áp dụng
100.	Điều 22 Tiêu đề	Điều 22. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT	Điều 25. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT	
101.	Điều 22 Khoản 7	7. HĐQT có thể thực hiện ủy quyền, phân quyền đối với việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong hoạt động Ngân hàng cho các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định về cơ chế phân cấp, ủy quyền do HĐQT ban hành và phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.	7. HĐQT có thể thực hiện giao, phân quyền đối với việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong hoạt động Ngân hàng cho các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định về cơ chế phân cấp, ủy quyền do HĐQT ban hành và phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.	Phù hợp quy định pháp luật
102.	Điều 23 Tiêu đề	Điều 23. Thư ký HĐQT	Điều 26. Thư ký HĐQT	
103.	Điều 24 Tiêu đề	Điều 24. Người phụ trách quản trị VAB	Điều 27. Người phụ trách quản trị VAB	
104.	Điều 25	Điều 25. Văn phòng HĐQT	Điều 28. Văn phòng HĐQT	
105.	Điều 25 Bổ sung		3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.	Phù hợp với thực tiễn áp dụng
106.	Điều 26 Tiêu đề	Điều 26. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT	Điều 29. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT	
107.	Điều 27 Tiêu đề	Điều 27. Điều kiện làm việc của HĐQT	Điều 30. Điều kiện làm việc của HĐQT	
108.	Điều 28	Điều 28. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT I. HĐQT phân cấp, ủy quyền bằng những hạn mức cụ	Điều 31. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT	Phù hợp với thực tiễn

STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
		<p>thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hàng ngày. Việc phân cấp, ủy quyền được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc những trưởng hợp HĐQT thấy cần thiết.</p> <p>2. Các vấn đề chưa được HĐQT phân quyền, ủy quyền tại các văn bản/quy định nội bộ thể, Tổng Giám đốc và các cấp trực tiếp thực hiện chủ động trình HĐQT phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân quyền phê duyệt.</p>	<p>1. HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hàng ngày. Việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc những trưởng hợp HĐQT thấy cần thiết.</p> <p>2. Các vấn đề chưa được HĐQT phân quyền, phân quyền, ủy quyền tại các văn bản/quy định nội bộ cụ thể, Tổng Giám đốc và các cấp trực tiếp thực hiện chủ động trình HĐQT phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền phê duyệt.</p>	
109.	Điều 29	Điều 29. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	Điều 32. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	
110.	Điều 30	Tiêu đề	Điều 33. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	
111.	Điều 31	Tiêu đề	Điều 34. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	
112.	Điều 32	Tiêu đề	Điều 35. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	
113.	Bổ sung		<p>Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Quy chế này; các điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</p> <p>2. Hội đồng quản trị của VAB được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thì hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy chế này.</p>	



STT	Điều khoản sửa đổi, bổ sung	Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT 2023	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Diễn giải
114.	Điều 33	<p>Điều 33. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế</p> <p>I. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua ngày 28/04/2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 105A/QĐ-HĐQT/19 ngày 30/8/2019 của HĐQT VAB. Các quy định trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.</p> <p>2. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p> <p>Điều 37. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế</p> <p>1. Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày/2024 và ban hành theo Quyết định số/2024/QĐ-HĐQT của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại Điều 36 Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 121/2023/QĐ-HĐQT ngày 11/5/2023 của HĐQT VAB.</p> <p>3. Các quy định trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.</p> <p>4. Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.</p>	Phù hợp Luật các tổ chức tín dụng 2024
116.		<p>Các nội dung chính sửa khác chi tiết theo Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT đính kèm.</p>		

QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2024/QĐ-HĐQT ngày .../.../2024
của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày .../.../2023 của Ngân hàng TMCP Việt Á;

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á ban hành Quy chế tổ chức của Hội đồng Quản trị bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị và các đơn vị, cá nhân có liên quan trên toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt

1. Định nghĩa các thuật ngữ áp dụng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á từng thời kỳ và theo quy định pháp luật.
Trường hợp có sự thay đổi quy định pháp luật và Điều lệ VAB dẫn đến từ ngữ trong Quy chế này khác nghĩa, hoặc chưa được định nghĩa tại Quy chế này thì áp dụng theo quy định mới tại quy định pháp luật và Điều lệ VAB.
2. “VAB” là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á.
3. “HĐQT” là chữ viết tắt của Hội đồng Quản trị.
4. “BKS” là chữ viết tắt của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua việc biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản; mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau.
2. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của VAB.
3. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

CHƯƠNG II NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT VAB

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:

1. Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (Năm) thành viên và không quá 11 (Mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, hai phần ba tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành VAB.
2. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị; nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của VAB, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.
3. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản trị của VAB có toàn quyền nhân danh VAB để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VAB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ VAB và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Thông qua phương án huy động vốn.
 - 2.2. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, kế hoạch kinh doanh của công ty con VAB theo quy định pháp luật.
 - 2.3. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
 - 2.4. Trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông.
 - 2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh của VAB theo quy định của pháp luật trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Đại hội đồng cổ đông; quyết định việc thành lập, thay đổi thông tin, thay đổi nội dung hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên toàn hệ thống VAB.
Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
 - 2.6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Người điều hành khác theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành.
 - 2.7. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (Hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - 2.8. Quyết định cử người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn góp của VAB tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
Hội đồng quản trị có thể phân cấp/phân quyền/giao lại đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.

- 2.9. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của VAB như sau:
- Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của VAB mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản khác của VAB không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc quyết định các giao dịch này đảm bảo tuân thủ Khoản 2.11 Điều này và phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
- 2.10. Quyết định các khoản cấp tín dụng như sau:
- Các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các khoản cấp tín dụng khác không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều lệ VAB. HĐQT có thể phân cấp/phân quyền/ủy quyền lại việc phê duyệt cấp tín dụng trong trường hợp này đảm bảo phù hợp với nhu cầu điều hành hoạt động kinh doanh của VAB.
- 2.11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VAB với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của VAB; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VAB; công ty con, công ty liên kết của VAB.
- 2.12. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
- 2.13. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty con; phê chuẩn Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty con; cử người đại diện theo ủy quyền của VAB tại Công ty con; các quyền và nghĩa vụ khác của Chủ sở hữu đối với Công ty con được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Hội đồng Quản trị ban hành từng thời kỳ và/hoặc Điều lệ công ty con.
- 2.14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VAB phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng Cổ đông.
- 2.15. Ban hành, sửa đổi, bổ sung và quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VAB.
- 2.16. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên;
- 2.17. Quyết định lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- 2.18. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- 2.19. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- 2.20. Quyết định giá chào bán Cổ phần và trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của VAB trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền.
- 2.21. Quyết định mua lại cổ phần của VAB.
- 2.22. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 2.23. Trên cơ sở được ĐHCĐ giao/ủy quyền, HĐQT quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN (trong danh sách các tổ chức kiểm toán do Ban kiểm soát đề xuất và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua) để thực hiện

- kiểm toán các hoạt động của VAB trong năm tài chính tiếp theo trước khi kết thúc năm tài chính.
- 2.24. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
 - 2.25. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
 - 2.26. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị.
 - 2.27. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
 - 2.28. Trừ các hợp đồng phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của VAB (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh).
 - 2.29. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của ngân hàng.
 - 2.30. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty thành viên độc lập thuộc VAB.
 - 2.31. Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn; Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - 2.32. Phê duyệt chủ trương cung cấp sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc.
 - 2.33. Phê duyệt Kế hoạch vốn của VAB.
 - 2.34. Ban hành Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với các chức danh tại VAB (trừ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ).
 - 2.35. Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện Phương án cơ cấu lại VAB trên cơ sở các định hướng phát triển của ngân hàng đã được ĐHQĐ VAB thông qua đồng thời đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, hướng dẫn, chỉ đạo cụ thể của Ngân hàng Nhà nước và cơ quan quản lý khác.
 - 2.36. Quyết định phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, trái phiếu ra công chúng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.37. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của VAB ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - 2.38. Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao/ủy quyền triển khai thực hiện cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - 2.39. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VAB quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VAB gây thiệt hại cho VAB thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho VAB; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của VAB có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.
 5. HĐQT sử dụng con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

- Giúp việc cho HĐQT có các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT, Thư ký HĐQT và Văn phòng HĐQT được quy định tại Chương V của Quy chế này và theo quy định nội bộ của VAB từng thời kỳ.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.
- Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
- Đảm bảo các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
- Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
- Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 (Một) lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này.
- Thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- Có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của VAB, báo cáo kiểm toán và báo cáo khác thuộc trách nhiệm của HĐQT.
- Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt tại trụ sở VAB hoặc Chủ tịch HĐQT không làm việc được hoặc các trường hợp khác nếu Chủ tịch HĐQT xét thấy cần thiết thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong HĐQT để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB (nếu có).

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của VAB và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành VAB, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- Tham dự các cuộc họp HĐQT, tham gia việc lấy ý kiến bằng văn bản, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
- Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT.
- Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện

theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Điều lệ VAB và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HDQT kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện.

7. Yêu cầu Chủ tịch HDQT triệu tập cuộc họp HDQT bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB.
8. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điều lệ VAB.
9. Yêu cầu Người điều hành, Người quản lý cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB nhằm thực hiện nhiệm vụ quản trị của mình.
10. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2.4, 2.6, 2.7, 2.9, 2.10, 2.11, 2.13, 2.14, 2.15, 2.21 và 2.36 Điều 6 của Quy chế này.
11. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ VAB và quy định pháp luật (nếu có).

Điều 9. Vai trò thành viên độc lập của HDQT

1. Cung cấp và tham gia vào công việc của HDQT dưới khía cạnh độc lập, khách quan và không bị ràng buộc bởi tư tưởng nội bộ.
2. Đưa ra những phân biện mang tính xây dựng phù hợp với tổng thể vai trò hoạt động của HDQT.
3. Tăng cường tính chặt chẽ của các quy trình hoạt động của HDQT.
4. Tạo nên tính hài hòa trong việc phối hợp kinh nghiệm, khả năng và trình độ của các thành viên HDQT.

Điều 10. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HDQT

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thủ lao công việc và tiền thưởng dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của VAB.
2. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thủ lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thủ lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thủ lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Thủ lao của các thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác có liên quan của pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của VAB, phải báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại các cuộc họp thường niên.
3. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của VAB.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thủ lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VAB.

Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong VAB cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của VAB và của đơn vị trong VAB.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông

tin do Điều lệ VAB quy định.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa VAB với các đối tượng là người có liên quan theo quy định Điều lệ VAB và quy định của pháp luật.
2. Người đại diện VAB ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ VAB quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của VAB;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ, khoản 1 Điều 5 Quy chế này;
 - c) Số thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 66 Điều lệ VAB;
 - d) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điều 30.2 Điều lệ VAB;
 - e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng;
 - g) Tình hình tài chính của VAB cho thấy VAB bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ VAB và/hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Các thủ tục, trình tự triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật

CHƯƠNG III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT

1. Cá nhân được bầu làm thành viên HĐQT phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự.
 - b) Không thuộc đối tượng không được là thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ VAB, quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Ngân hàng theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - c) Có sức khỏe và hiểu biết pháp luật.
 - d) Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước
 - e) Có trình độ từ đại học trở lên.
 - f) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước

- ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Đối với thành viên độc lập của HĐQT, ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định sau:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho VAB hoặc Công ty con của VAB hoặc đã làm việc cho VAB hoặc Công ty con của VAB trong 03 (ba) năm liền kể trước đó.
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của VAB ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của VAB, Người quản lý hoặc kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của VAB hoặc công ty con của VAB.
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của VAB; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VAB.
 - e) Không phải là Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VAB tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (Năm) năm liền kể trước đó.

Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

Những người sau đây không được là thành viên HĐQT của VAB:

1. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.
3. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên.
4. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích.
5. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.
6. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng.
7. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ.
8. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép.
9. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
10. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) của VAB,

trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy chế này.

11. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
12. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VAB và quy định pháp luật.

Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT

1. Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là thành viên độc lập của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của VAB, trừ trường hợp là Tổng giám đốc;
 - b) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
 - c) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của tổ chức tín dụng đó hoặc của công ty mẹ của tổ chức tín dụng đó hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của VAB và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của VAB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của VAB;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

Điều 17. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT:
 - a) Chết.
 - b) Vi phạm Điều 12, Điều 15 Quy chế này hoặc vi phạm quy định tại Điều lệ, quy định của pháp luật từng thời kỳ về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ.
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là Cổ đông của VAB khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - f) VAB bị thu hồi giấy phép.
2. HĐQT phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu chứng minh về việc các trường hợp thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm f khoản 1 Điều này) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định thành viên HĐQT đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Các thành viên HĐQT thuộc trường hợp đương nhiên mất tư cách không còn quyền của thành viên HĐQT kể từ thời điểm VAB nhận được thông báo và/hoặc xác định được thành viên đó đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT.
4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm kể từ ngày được ĐHĐCĐ bầu vào vị trí này.

Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm

1. Chủ tịch và thành viên HĐQT bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - b) Có đơn xin từ chức hoặc văn bản (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT của VAB để trình ĐHĐCĐ.
 - c) Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật và điều lệ VAB từng thời kỳ.
 - d) Khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 55, Điều 43, điểm b khoản 2 Điều 49 của Điều lệ.
 - e) Không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 14 của Quy chế này.
 - f) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm.
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB từng thời kỳ
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên HĐQT của VAB vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
3. HĐQT tổ chức cuộc họp khi có đủ tài liệu, cơ sở xác định Chủ tịch, thành viên HĐQT thuộc các trường hợp bị bãi nhiệm, miễn nhiệm và phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước kèm tài liệu liên quan về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1, Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức phải có đơn từ chức hoặc văn bản gửi đến HĐQT, hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định thì các thành viên còn lại của HĐQT phải tổ chức họp để tiến hành bầu một thành viên HĐQT đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành thay thế làm Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức của Chủ tịch HĐQT hoặc bị bãi miễn.
2. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và khoản 2 Điều 50 Điều lệ của VAB thì trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, VAB phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật các tổ chức tín dụng.
4. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý.

Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị

Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị VAB được thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ VAB từng thời kỳ.

Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của VAB phải công khai với VAB các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

- c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB phải cung cấp cho tổ chức tin dụng các thông tin sau đây:
- a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - b) Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - c) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại VAB;
 - d) Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại VAB.
3. Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi VAB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho VAB khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB so với lần cung cấp liền trước.
4. VAB phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của VAB và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, VAB công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của VAB.
5. VAB phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của VAB và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của VAB trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày VAB nhận được thông tin cung cấp.
6. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.
7. Các quy định khác theo quy định tại Điều lệ VAB.

CHƯƠNG IV

HỌP VÀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị và phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số, chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần. Hội đồng Quản trị có thể họp tại trụ sở chính của VAB hoặc ở nơi khác. Cuộc họp Hội đồng Quản trị có thể bằng hình thức họp trực tiếp và/ hoặc hình thức họp trực tuyến khác.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT bất thường trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được một trong các trường hợp sau:
 - a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc, hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác.

- b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT độc lập.
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên của HĐQT.
 - d) Các trường hợp khác theo Điều lệ VAB quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT. Người có thẩm quyền (Chủ tịch hoặc người được ủy quyền) triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vẫn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 (Bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch hoặc người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với VAB, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng và vẫn đề cần thảo luận, quyết định không thuộc thẩm quyền HĐQT; trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu Chủ tọa cuộc họp.
5. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan (dù là trực tiếp hay gián tiếp) tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một giao dịch nào đã hay đang dự kiến giao kết với VAB, thì phải khai báo đầy đủ về các quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT và /hoặc tới HĐQT để HĐQT xem xét việc có tiếp tục thực hiện hay giao kết hợp đồng, thỏa thuận, giao dịch đó hay không. Trong mọi trường hợp thành viên HĐQT phải thông báo cụ thể về quyền, lợi ích có liên quan đó trong cuộc họp HĐQT gần nhất sau khi thành viên đó biết về quyền, lợi ích có liên quan.
6. Cuộc họp HĐQT có thể được tiến hành theo các hình thức sau đây:
- a) Tại một địa điểm với sự hiện diện của các thành viên dự họp.
 - b) Họp HĐQT trực tuyến: Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - i. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và
 - ii. Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có tham dự” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
7. Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền hoặc người triệu tập họp HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều này phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến (trừ trường hợp họp khẩn cấp). Thông báo mời họp phải được xác định cụ thể hình thức họp, địa điểm họp, thời gian họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp và tài liệu đính kèm có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải được bảo đảm gửi đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.
- Trường hợp họp khẩn cấp, người triệu tập cuộc họp HĐQT có thể thông báo mời họp trước 01 (một) ngày làm việc với ngày họp; các tài liệu liên quan có thể gửi cho các thành viên HĐQT ngay tại cuộc họp.
8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
9. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
10. Các thành phần khác: để phục vụ cuộc họp HĐQT Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền

có thể mời TGD, một số PTGD, chủ tịch và phó chủ tịch các Ủy ban/ Hội đồng thuộc HĐQT, một số giám đốc khối và các chức danh khác tham dự nhưng không có quyền biểu quyết.

11. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Trường hợp không trực tiếp họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

12. Thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng Quản trị dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Việc biểu quyết của người được ủy quyền tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
13. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
14. Trường hợp có thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 23. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - c) Thời gian, địa điểm họp.
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp trực tiếp, người được ủy quyền dự họp, thành viên biểu quyết bằng văn bản; Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e) Các vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp.
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến cuộc họp.
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, thành viên không tán thành và không có ý kiến.
 - h) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản cuộc họp và tất cả thành viên dự họp trực tiếp hoặc người được ủy quyền dự họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và đồng ý thông qua biên bản họp, có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VAB và pháp luật có liên quan.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.
4. Biên bản cuộc họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước

ngoài, và hai văn bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản lập bằng tiếng Việt.

5. Biên bản cuộc họp HĐQT và các tài liệu liên quan phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Chủ tịch HĐQT được quyền ủy quyền, phân công cho các thành viên HĐQT khác ký Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT để thực hiện việc lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Cán bộ Văn phòng HĐQT được phân công chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo có thể được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác của thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích lấy ý kiến.
 - c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT.
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến.
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã có ý kiến về VAB.
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được ủy quyền.
 - h) Phần ô trống Họ và tên, chữ ký của thành viên HĐQT có ý kiến.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký, họ và tên của thành viên HĐQT và phải được gửi về VAB theo quy định.
5. Lựa chọn phương án biểu quyết: Thành viên HĐQT phải lựa chọn và chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết trên phiếu lấy ý kiến, nếu thành viên HĐQT không ký trên Phiếu lấy ý kiến thì được coi là Phiếu ý kiến không hợp lệ. Nếu thành viên HĐQT không lựa chọn phương án biểu quyết thì được coi là lựa chọn phương án “không có ý kiến”.
6. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm hết hạn gửi phiếu lấy ý kiến dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT và/hoặc nhân sự khác theo quyết định của HĐQT từng thời kỳ (người này phải là thành viên Ban Kiểm soát hoặc thành viên HĐQT). Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của VAB.
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, ý kiến khác và không có ý kiến đối với từng vấn đề xin ý kiến.
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
7. Thư ký HĐQT/ hoặc nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT được phân công tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua đó kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của VAB. Văn phòng HĐQT là đơn vị có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ các tài liệu này.
- Quyết định được thông qua hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

CHƯƠNG V

ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT

1. HĐQT phải thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự để giúp việc cho HĐQT. HĐQT quy định chức năng nhiệm vụ của hai ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
2. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, hội đồng trực thuộc khác khi thấy cần thiết, để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo các quy định pháp luật và quy định nội bộ do HĐQT ban hành từng thời kỳ.
3. Mỗi Ủy ban có tối thiểu 03 (ba) thành viên gồm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban và các thành viên (như chuyên gia tư vấn độc lập, cán bộ thuộc các bộ phận chuyên môn của VAB hoặc các trường hợp khác). Một thành viên HĐQT có thể là thành viên của một hoặc một số Ủy ban.
4. Mỗi Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự có ít nhất trên một phần hai số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải là người điều hành. Một thành viên HĐQT chỉ được là Chủ tịch/Trưởng ban của một trong hai Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên độc lập HĐQT.
5. HĐQT/ Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch/Trưởng ban Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định nội bộ của VAB. Sau khi được thành lập, Chủ tịch/ Trưởng ban triệu tập họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phù hợp với cơ chế làm việc của từng Ủy ban, Hội đồng trực thuộc VAB.
6. HĐQT quy định cụ thể Quy chế làm việc của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc, tối thiểu gồm các vấn đề sau: số lượng thành viên và trách nhiệm của thành viên, các kỳ họp định kỳ, việc họp bất thường, việc đưa ra quyết định của Ủy ban, Hội đồng trực thuộc.
7. HĐQT có thể thực hiện giao, phân quyền đối với việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ trong hoạt động Ngân hàng cho các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc theo quy định về cơ chế phân cấp, ủy quyền do HĐQT ban hành và phải đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Điều 26. Thư ký HĐQT

HQĐT bổ nhiệm thư ký HĐQT khi thấy cần thiết. HĐQT có thể bãi nhiệm thư ký HĐQT vào bất cứ thời điểm nào tuy nhiên không được làm phương hại đến các yếu tố bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng lao động giữa thư ký HĐQT và VAB. Một hoặc nhiều người có thể đồng thời được bổ nhiệm là thư ký HĐQT.

Chức năng và nhiệm vụ của thư ký HĐQT bao gồm:

1. Thực hiện các công việc chuẩn bị cho cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm soát và ĐHĐCĐ.
2. Thông báo việc triệu tập các cuộc họp HĐQT theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT hay của Ban kiểm soát.
3. Tham dự cuộc họp và Ghi biên bản cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chính xác, trung thực và khách quan.
4. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ.
5. Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và cổ đông VAB.
6. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
7. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.
8. Hỗ trợ VAB trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

9. Chức năng và nhiệm vụ khác do HĐQT quy định phù hợp với quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành.

Điều 27. Người phụ trách quản trị VAB

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị VAB để hỗ trợ công tác quản trị, với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị VAB khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị VAB phải là người có hiểu biết về pháp luật. Người phụ trách quản trị VAB không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của VAB. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị VAB bao gồm:
 - a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa VAB và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của VAB;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VAB;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VAB.
3. Người phụ trách quản trị VAB có thể kiêm nhiệm Thư ký VAB tùy theo quyết định của HĐQT VAB.

Điều 28. Văn phòng HĐQT

1. Văn phòng HĐQT là bộ phận giúp việc cho HĐQT, có các chức năng nhiệm vụ cơ bản sau:
 - a) Tham mưu giúp việc cho HĐQT trong quản trị hoạt động của ngân hàng và các công ty con;
 - b) Điều phối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT/HĐQT đối với Ban điều hành, các công ty thành viên và các Ủy ban, Hội đồng thuộc sự quản lý của HĐQT;
 - c) Giúp việc HĐQT trong công tác quan hệ cổ đông;
 - d) Thư ký tổng hợp cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT;
 - e) Giúp việc cho HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong công tác đối ngoại;
 - f) Và các chức năng nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và HĐQT
2. Để thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên Văn phòng HĐQT có cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định cụ thể của HĐQT.
3. Chủ tịch HĐQT thông qua phân công công việc của các nhân sự thuộc Văn phòng HĐQT.

CHƯƠNG VI

QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT

Điều 29. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT

1. Các thành viên HĐQT trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao tiến hành xây dựng chương trình kế hoạch công tác cụ thể và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
2. Kết thúc đợt công tác, trong vòng 05 (năm) ngày làm việc các thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT kết quả đợt công tác.

Điều 30. Điều kiện làm việc của HĐQT

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, kể cả thù lao cho các thành viên HĐQT và bộ phận giúp việc của HĐQT được tính vào chi phí của VAB.
2. Thành viên HĐQT được thanh toán các chi phí chỗ ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
3. Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Khối/ Trung tâm, các Trưởng phòng/ Ban tại trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, Trưởng văn phòng đại diện và Giám đốc các Công ty con của VAB có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của VAB theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ VAB và Quy chế này.
4. Các văn bản của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc VAB về chỉ đạo điều hành có liên quan đến việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách theo quy định nhà nước, các Nghị quyết, Quyết định, các cơ chế, Quy chế của HĐQT đều được sao gửi Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT.
5. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của VAB để thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban TGD, các phòng, Ban, Trung tâm và Khối tại trụ sở chính có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý và giám sát điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT

1. HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hàng ngày. Việc phân cấp, phân quyền, ủy quyền được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc những trường hợp HĐQT thấy cần thiết.
2. Các vấn đề chưa được HĐQT phân quyền, phân quyền, ủy quyền tại các văn bản/quy định nội bộ cụ thể, Tổng Giám đốc và các cấp trực tiếp thực hiện chủ động trình HĐQT phê duyệt hoặc đề xuất HĐQT phân cấp, phân quyền, ủy quyền phê duyệt.

CHƯƠNG VII**MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 32. Nguyên tắc phối hợp trong công tác**

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong mối quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của VAB.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của VAB.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 33. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình;
2. Kết quả kiểm toán nội bộ của bộ phận Kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho HĐQT, trên cơ sở đó HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát.
3. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.
4. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban Kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, các biên bản họp, các nghị quyết của HĐQT của VAB.

Điều 34. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT báo đảm mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho VAB thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp, HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.
3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hoặc theo thời hạn của cấp có thẩm quyền quy định) cho HĐQT khi triển khai thực hiện và/hoặc kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và báo cáo thực hiện các công việc được ủy quyền. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT trong trường hợp vi phạm quy định sẽ bị xem xét xử lý và/hoặc bồi thường thiệt hại nếu gây thiệt hại theo quy định của pháp luật và VAB.
4. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT về các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành kinh doanh của VAB theo định kỳ hằng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.
5. Các Biên bản họp giao ban, văn bản phản công điều hành của Ban Tổng giám đốc phải được gửi HĐQT để báo cáo.
6. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT.
7. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác tham dự các cuộc họp giao ban, họp bàn các nội dung công tác khác do Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc chủ trì.
8. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để ra quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc trưởng các Phòng/Ban, Giám đốc các Khối/Trung tâm có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia có ý kiến (nếu có).
9. Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
10. Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của VAB hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý VAB phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 35. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền và/hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của VAB.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo lại Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

CHƯƠNG VIII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của VAB được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Quy

- chế này, các điều 49 và 55 Điều lệ VAB, Điều 41, 42 và 43 luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
- Hội đồng quản trị của VAB được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Quy chế này, khoản 2 và khoản 3 Điều 50 của Điều lệ VAB, khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật các tổ chức tín dụng 2024 được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 37. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế

- Quy chế này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua ngày .../.../2024 và ban hành theo Quyết định số .../2024/QĐ-HĐQT của HĐQT, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024, trừ trường hợp quy định tại Điều 36 Quy chế này.
- Quy chế này thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT VAB ban hành kèm theo Quyết định số 121/2023/QĐ-HĐQT ngày 11/5/2023 của HĐQT VAB.
- Các quy định trước đây trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.
- Trường hợp có mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ VAB về cùng một vấn đề thì quy định tại Điều lệ của VAB được ưu tiên áp dụng. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa Quy chế này và Điều lệ của VAB với quy định pháp luật về cùng một vấn đề thì ưu tiên áp dụng quy định pháp luật hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phương Thành Long

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và từ viết tắt	1
Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	1
CHƯƠNG II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐQT, CHỦ TỊCH HĐQT, THÀNH VIÊN HĐQT VAB	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:	2
Điều 6. Nhiệm vụ và Quyền hạn của HĐQT	2
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT	5
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT	5
Điều 9. Vai trò thành viên độc lập của HĐQT	6
Điều 10. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT	6
Điều 11. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	7
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	7
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 14. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT	7
Điều 15. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	8
Điều 16. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT	9
Điều 17. Đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT	9
Điều 18. Bãi nhiệm, miễn nhiệm	10
Điều 19. Thay thế thành viên HĐQT	10
Điều 20. Thủ tục bầu, bổ nhiệm các chức danh Hội đồng Quản trị	10
Điều 21. Công khai các khoản lợi ích có liên quan	10
CHƯƠNG IV. HỌP VÀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	11
Điều 22. Họp HĐQT	11
Điều 23. Biên bản họp HĐQT	13
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản	14
CHƯƠNG V. ỦY BAN, HỘI ĐỒNG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ QUAN GIÚP VIỆC CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 25. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc của HĐQT	15
Điều 26. Thư ký HĐQT	15
Điều 27. Người phụ trách quản trị VAB	16
Điều 28. Văn phòng HĐQT	16
CHƯƠNG VI. QUY ĐỊNH VỀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HĐQT	16
Điều 29. Chương trình làm việc, kế hoạch công tác của các thành viên HĐQT	16
Điều 30. Điều kiện làm việc của HĐQT	17
Điều 31. Phân cấp, phân quyền, ủy quyền của HĐQT	17
CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 32. Nguyên tắc phối hợp trong công tác	17
Điều 33. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát	17
Điều 34. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc	17
Điều 35. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT	18
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	18
Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp	18
Điều 37. Hiệu lực, sửa đổi, bổ sung Quy chế	19

Số: 16/2024/TTr-BKS

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

NGÂN
HÀNG
THƯƠNG
MẠI
CƠ
CP
VIỆT Á

Digitally signed by NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á
DN: CN=, ST=THÀNH
PHỐ HÀ NỘI, CN=NGÂN
HÀNG THƯƠNG MẠI
CP VIỆT Á,
O=DIGI 9 2042 - 19200300,
OU=1 14MST,
CN=20230305
Reason: I am the author
of this document
Location: year signing
location here
Date: 2024.05.02 10:11:
58+0700
Full PDF Reader
Version: 11.0.1

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát
Ngân hàng TMCP Việt Á nhiệm kỳ 2023 – 2028

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Á

- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB);
- Căn cứ Nghị quyết số 39/2024/NQ-HĐQT ngày 29/02/2024 về việc Thông qua danh sách nhân sự bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028;
- Căn cứ Công văn số 3491/NHNN-TTGSNH ngày 25/4/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự bầu thay thế thành viên BKS nhiệm kỳ 2023-2028 của VAB.

I. Lý do việc miễn nhiệm và bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát VAB

Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) năm 2023 của VAB đã thông qua số lượng thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2023-2028 là 03 (ba) thành viên trong đó có 02 thành viên chuyên trách.

Căn cứ nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển của Ngân hàng, Hội đồng Quản trị (HĐQT) VAB dự kiến trình ĐHĐCĐ năm 2024 xem xét thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên BKS, nâng số lượng thành viên BKS lên là 04 thành viên (trong đó có 03 thành viên chuyên trách). Theo đó, ngày 19/01/2024, HĐQT đã có Thông báo số 15/2024/TB - HĐQT đến tất cả các cổ đông của VAB về số lượng thành viên dự kiến được bầu bổ sung, thay thế vào BKS là 01 thành viên; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn đáp ứng đối với chức danh thành viên HĐQT, BKS để các cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VAB.

Hết thời hạn vào ngày 16/02/2024, HĐQT VAB không nhận được đề cử nhân sự nào của Cổ đông/ Nhóm cổ đông có đủ điều kiện. Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ của VAB, BKS VAB thực hiện việc giới thiệu 01 ứng viên để trình ĐHĐCĐ năm 2024 xem xét, thông qua thủ tục bầu bổ sung nhân sự.

Tuy nhiên, ngày 29/02/2024, HĐQT và BKS VAB đã nhận được Đơn từ nhiệm chức danh thành viên BKS chuyên trách của ông Hoàng Vũ Tùng, hiệu lực kể từ thời điểm ĐHĐCĐ năm 2024 thông qua việc miễn nhiệm. Ngay sau đó, VAB đã thực hiện công bố thông tin về Đơn từ nhiệm của ông Hoàng Vũ Tùng đến tất cả các cổ đông.



Nhằm đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, sau khi thống nhất ý kiến với BKS, HĐQT đã có văn bản số 50/2024/CV-HĐQT ngày 12/3/2024 trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dự kiến nhân sự là ông Trần Ngọc Hải để bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát thay thế cho ông Hoàng Vũ Tùng đã có Đơn từ nhiệm.

II. Đề xuất của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các nội dung sau:

1. Chấp thuận đơn từ nhiệm và thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách theo nguyện vọng cá nhân của ông Hoàng Vũ Tùng.
2. Thông qua việc bầu thay thế Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:
 - a. Số lượng thành viên BKS bầu thay thế: 01 (một) thành viên chuyên trách.
 - b. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu thay thế: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ BKS 2023-2028.
3. Thông qua ứng cử viên để thực hiện thủ tục bầu thay thế vào Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 như sau:

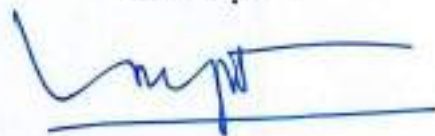
Họ và tên	Chức danh dự kiến bầu
Trần Ngọc Hải	Thành viên BKS chuyên trách

Dự kiến sau khi bầu, Ban Kiểm soát VAB có 03 (ba) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên chuyên trách.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHƯƠNG THÀNH LONG

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



NGUYỄN KIM PHƯỢNG